



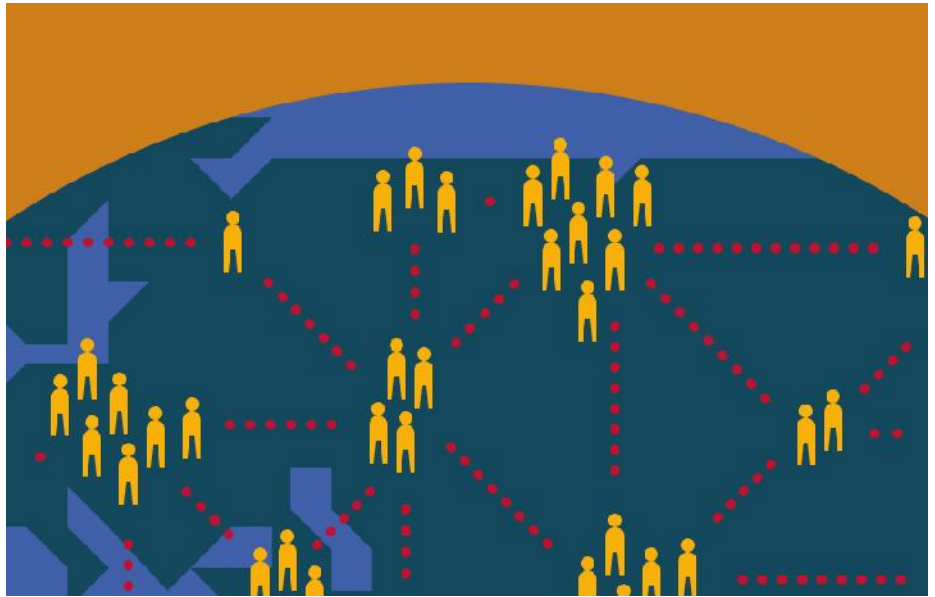
# Thông tin Giáo dục quốc tế

(Lưu hành nội bộ)

Số 10

**VIỆN KHOA HỌC  
GIÁO DỤC  
VIỆT NAM**

**Trung tâm  
Thông tin  
Thư viện**



**Chủ đề**

Xã hội học tập

**Chủ biên**

GS. TS. Nguyễn Thị Hoàng Yên

**Hiệu đính**

PGS. TS. Vương Thanh Hương

**Người dịch**

ThS. Phạm Thị Kim Phượng

**Sưu tầm tài liệu**

ThS. Nguyễn Minh Tuấn

Lời nói đầu	(2)
Báo cáo tóm tắt	(4)
Phần 1. Từ hệ thống giáo dục đến xã hội học tập	(8)
Phần 2. Biến đổi khí hậu trong giáo dục	(11)
Phần 3. Hết sức cố gắng: Lợi nhận đầu tư giáo dục và cải cách giảm dần	(19)
Phần 4. Xây dựng một nền tảng kiến thức mới về học tập	(22)
Phần 5. Những dấu hiệu sớm của xã hội học tập	(27)
Phần 6. Xây dựng xã hội học tập	(34)

## LỜI NÓI ĐẦU

### *Hướng đến một xã hội học tập*

Từ lâu tôi đã tin giáo dục và công nghệ là hai tác nhân giữ cho cuộc sống cân bằng. Giai đoạn phát triển tiếp theo của Internet – Web 2.0 và sự hợp tác – sẽ cho mọi người thấy có thể làm được những gì. Chúng ta có thể thấy rằng tầm nhìn hình thành ở hiện tại – cho phép hợp tác, phá vỡ các rào cản trên toàn cầu, cho phép mọi người truy cập thông tin bất cứ nơi đâu và vào bất cứ thời gian nào – niềm tin này tiếp tục được phát triển. Giáo dục và công nghệ luôn đi đôi, công nghệ chính là nền tảng của Xã hội học tập, vấn đề này sẽ được nói rất chi tiết ở những trang tiếp theo.

Học tập rất quan trọng đối với tương lai thế giới của chúng ta tuy nhiên hệ thống giáo dục hiện nay đang phải đối mặt với những thách thức chưa từng có. Tôi nghĩ rằng muốn cả thế giới học tập suốt đời có hiệu quả, tùy thuộc rất nhiều vào cách ta khai thác triệt để hệ thống mạng để kết nối cho cả học viên cũng như các nhà giáo dục tham gia vào hệ thống mạng này và để mọi người có thể sử dụng nguồn thông tin và kiến thức của tập thể. Nếu chỉ một mình hệ thống giáo dục truyền thống, dù đã đóng vai trò quan trọng, và tiếp tục giữ vai trò quan trọng đối với việc học tập, thì vẫn hoàn toàn không có khả năng đáp ứng được nhu cầu đang thay đổi liên tục và đòi hỏi ngày càng tăng lên của thế giới.

Việc tối ưu hóa hiệu quả các hệ thống giáo dục truyền thống để thu được giá trị cao nhất từ các hệ thống giáo dục là yếu tố quan trọng trong bất kỳ chiến lược phát triển nào. Tuy nhiên điều này vẫn chưa đủ. Học tập là một hoạt động chứ không phải là một địa điểm và vượt ra khỏi trường

học, trường đại học. Sự bùng nổ kiến thức, do sức mạnh kết nối con người và phổ biến các ý tưởng của mạng Internet, đã làm thay đổi bản chất của học tập. Để đáp ứng nhu cầu của xã hội dựa vào tri thức trong thời đại thông tin này, chúng ta cần đổi mới và phát triển mô hình học tập mới, chính thức và không chính thức.

Chúng ta cần áp dụng những phương pháp mới từ các nguồn không truyền thống và thúc đẩy quan hệ cộng tác thực sự cởi mở giữa các lĩnh vực công, tư và phi lợi nhuận. Thêm vào đó, những người có trách nhiệm hướng dẫn học tập phải thường xuyên không được tự thỏa mãn, tiếp tục cải tiến để có thể hiểu được nhu cầu của học viên khi thế giới xung quanh thay đổi. Mọi người cần học tập và học lại suốt cuộc đời, chú trọng tăng cường vào sự hợp tác liên ngành và kỹ năng của thế kỷ 21 cũng như tư duy phê phán và giải quyết vấn đề.

Tương lai của giáo dục đang được hệ thống hóa. Sử dụng đầy đủ sức mạnh của video và thiết bị di động, con người hợp tác để tạo ra và chia sẻ kiến thức cũng như phát triển các phương pháp giảng dạy và học tập mới để thu hút được sự chú ý và trí tưởng tượng của người học ở bất cứ nơi đâu, bất cứ thời gian nào và trên bất kỳ thiết bị nào.

Đáp ứng nhu cầu phát triển của người học suốt cuộc đời là một thách thức lớn và cấp bách hơn bao giờ hết. Tuy nhiên chúng ta nên xem đó như là một cơ hội và là nghĩa vụ lớn đối với các thế hệ tiếp theo. Qua việc kết nối và trao quyền cho người học và những nhà giáo dục, chúng ta có thể làm cho kinh tế tăng trưởng và cải thiện phúc lợi xã hội trên toàn thế giới.

Báo cáo này không nhằm mục đích cá nhân mà là sự khởi đầu một cuộc đối thoại

toàn cầu về việc chúng ta nghĩ khác nhau như thế nào về việc giáo dục hướng đến xã hội học tập. Chúng tôi hi vọng bạn sẽ tham gia và chúng tôi trông đợi những ý tưởng từ bạn.

**John Chambers**

Chairman & CEO, Cisco Systems, Inc.

## BÁO CÁO TÓM TẮT

### *Chuyển từ hệ thống giáo dục đến xã hội học tập*

Học tập là nền tảng đối với sự tiến bộ của nhân loại, đối với sự thịnh vượng của kinh tế, phúc lợi xã hội và góp phần đảm bảo một hành tinh bền vững.

Trong tương lai, học tập sẽ trở nên quan trọng hơn đối với tất cả các bộ phận của xã hội trên toàn cầu. Điều này có nghĩa là chúng ta cần tái cơ cấu toàn bộ cách chúng ta tiếp cận với học tập: Chúng ta nghĩ về nó như thế nào?

Một số người đã kết luận rằng câu trả lời đúng là nên thành lập thêm nhiều trường học truyền thống và các trường đại học lớn hơn và mạnh hơn. Chúng tôi không đồng ý. Do sự gia tăng rất lớn về nhu cầu học tập, các tổ chức giáo dục này sẽ chỉ đáp ứng được một phần quan trọng nhưng tương đối nhỏ so với nhu cầu toàn cầu về học tập ngày càng tăng lên hiện nay. Nhu cầu học tập được tổ chức trên một tập hợp các nguyên tắc đòi hỏi một hệ thống học tập mới, một trong số đó là đặc trưng bởi những cách thức mới trong việc tổ chức học tập, các hình thức mới của đánh giá và chứng nhận, các mô hình khác nhau của đầu tư, tài trợ và một cơ sở hạ tầng phù hợp cho các mục đích giáo dục. Chúng tôi gọi đây là xã hội học tập.

### *‘Biến đổi khí hậu’ trong giáo dục đang tạo nên một nhu cầu bất tận đối với các hình thức học tập mới*

Biến đổi khí hậu đang đến với giáo dục. Một số người đã so sánh những áp lực của toàn cầu hóa, công nghệ và nhân khẩu học như “một cơn bão hoàn hảo”. Nhưng sau cơn bão, cuộc sống có xu hướng quay trở lại trạng thái bình thường<sup>1</sup>.

Điều này không xảy ra trong lĩnh vực giáo dục. Là kết quả của toàn cầu hóa, sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ, và thay đổi nhân khẩu học mạnh mẽ, giáo dục đang trải qua thời kỳ dài và biến đổi khí hậu mang tính tất yếu, điều này làm thay đổi hoàn toàn mức độ và bản chất của nhu cầu học tập.

Toàn cầu hóa và các mô hình mới về sống và làm việc đang làm gia tăng nhu cầu về kỹ năng chuyên môn và kiến thức. Nhưng mọi “kiến thức” dường như vẫn chưa đủ: một tập hợp các kỹ năng mới của thế kỷ 21, thái độ tự tin sẽ rất cần thiết để phát triển. Con người hơn bao giờ hết cần có khả năng tiên tiến về tư duy, hợp tác và giải quyết vấn đề.

---

© 2010 CiscoSystems, Inc Tất cả các quyền. Tài liệu này là Thông tin công chúng của Cisco.

<sup>1</sup>Khái niệm này đúng với chi tiết cụ thể ở: PA CONSULTING (2009): Thành công ở kinh tế mới giáo dục đại học” London

Đồng thời, những thách thức của xã hội, kinh tế và môi trường của thế kỷ 21 đòi hỏi các công dân có một cái nhìn toàn cầu, khả năng và niềm đam mê để tham gia cùng với các vấn đề của thế giới cả trong và ngoài nước.

Tất cả xã hội - những nơi dân số già và những nơi dân số vị thành niên - đòi hỏi mọi người có cái nhìn tích cực hơn về kinh tế trong suốt cuộc đời. Điều này đòi hỏi không chỉ là cơ sở hạ tầng lâu dài mà là đầu tư mới và chuyển đổi trong những năm đầu học tập. Điều quan trọng là các năm sau đó tạo nên tảng vững chắc cho kiến thức tương lai và làm thuận thuận tình yêu học tập, điều này sẽ thúc đẩy con người với hành trình học tập phía trước.

### ***Cố gắng hết sức: Lợi nhuận của đầu tư và cải cách giáo dục đang giảm dần***

Các hệ thống giáo dục đã làm tốt công việc hướng đến nhu cầu học tập của xã hội. Tuy nhiên, một hệ thống hoạt động tốt nhất nào đây vẫn chưa thể đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập đang tăng cao nhanh chóng trong bối cảnh toàn cầu.

Mặc dù trải qua nhiều cải cách và đầu tư, hệ thống giáo dục tiên tiến vẫn không đáp ứng được cho tất cả mọi người, vẫn còn sự bất bình đẳng, hiệu quả kém. Những đổi mới mang tính đột phá mà chúng có thể giúp giải quyết một số vấn đề có xu hướng bị đè bẹp vì qui mô công nghiệp nhưng điều đó thách thức thiết lập và vận hành các hệ thống giáo dục. Nhiều thập kỷ sau những cố gắng đầu tiên, các hệ thống vẫn còn đấu tranh để áp dụng thực tiễn đổi mới đã xuất hiện trong cộng đồng học tập, giáo dục phi chính qui cho người trưởng thành hoạt động dựa trên học tập và học tập đồng môn (peer learning).

### ***Những dấu hiệu đầu tiên của xã hội học tập***

Công nghệ mới làm tăng khả năng học tập suốt đời, có tiềm năng cải thiện truy cập, tăng cường và phổ biến quá trình tạo ra tri thức. Một số đạt được nhiều hơn: Cho phép tạo ra các cộng đồng người học kết nối của tất cả các lứa tuổi và không phân biệt về địa lý .

William Gibson đã đúng: Tương lai là đây, chỉ là không được phân phối rộng rãi, bây giờ chúng ta có thể thấy những ví dụ nổi bật lên về Xã hội học tập:

- Thực hành trong học tập được đưa lên hàng đầu, có thể phân biệt bằng giáo dục chính quy và học tập không chính quy.

- Xã hội rộng lớn hơn, đặc biệt trong việc áp dụng công nghệ mới. Ví dụ như sự gia tăng của mạng xã hội, giáo dục giải trí, mở rộng phong trào và xu hướng mới trong công nghệ giáo dục.

- Sự cải tiến phá vỡ bên lề hệ thống giáo dục đã thiết lập và ở môi trường khắc nghiệt của thế giới đang phát triển.

Những đổi mới rõ rệt giúp mở ra một tầm nhìn mới về học tập - học là một hoạt động không phải là một địa điểm, đó là nơi mà học tập được mở rộng cho những người mới với những ý tưởng mới. Học viên "mang" học tập đến với mình chứ không phải là giáo viên "mang đến". Và hệ thống học tập trải rộng vượt khỏi phạm vi nhà trường và bao gồm cả người học và phụ huynh giống như là những người đóng góp và cũng là khách hàng.

Đây là thời điểm để tạo nên những nhận thức và học tập, từ những cải tiến và xem xét sử dụng chúng như nào để truyền đạt trên diện rộng những nguyên tắc của một xã hội học tập mới.

## *Nguyên tắc của xã hội học tập*

Những nguyên tắc mô tả xã hội học tập và được truyền đi bởi nhu cầu của thế kỷ 21, bởi những cải tiến rõ rệt phía trước, và những gì chúng ta biết được học tập diễn ra như thế nào. Kết quả là tập hợp những nguyên tắc đã được ra đời để đáp ứng nhu cầu học tập mới và nhận ra tiềm năng của học tập ở từng bộ phận của xã hội và từng nhóm trên toàn cầu.

Xã hội học tập:

1. Tạo ra một nền văn hóa học tập suốt đời.

2. Nhằm mục đích phát triển năng động, những học viên tham gia là những người sẵn sàng chinh phục các thách thức trong tương lai cũng như hiện tại.

3. Mang học tập đến cho học viên, nhìn nhận học tập như là một hoạt động chứ không phải là một vị trí.

4. Tin tưởng rằng học tập cho tất cả mọi người, không ngoại trừ bất kỳ ai.

5. Nhận ra rằng con người học tập khác nhau và phân đầu để có thể đáp ứng được những yêu cầu đó.

6. Nuôi dưỡng và chú trọng các nhà cung cấp giáo dục mới, đến từ các lĩnh vực công lập, tư thực, các tổ chức phi chính phủ (NGO).

7. Phát triển những mối quan hệ mới và mạng lưới mới giữa học viên, các nhà cung cấp (cả mới và cũ), người tài trợ vốn và những người cải cách.

8. Cung cấp cơ sở hạ tầng cần thiết để thành công – vẫn là cơ sở hạ tầng vật chất nhưng sẽ tăng cường cơ sở hạ tầng ảo.

9. Hỗ trợ các hệ thống đổi mới liên tục và thu nhận ý kiến phản hồi để phát triển kiến thức có thể vận dụng trong những trường hợp cụ thể.

## *Cùng nhau xây dựng xã hội học tập*

Đã quá lâu, chúng ta đã xem học tập trong sự cô lập. Ở hầu hết các nước, "Giáo dục" là một bộ phận riêng biệt của chính sách nhà nước, và là hoạt động tách biệt với đời sống hàng ngày.

Xây dựng xã hội học tập có nghĩa là tập hợp một liên minh mới có thể rút ra những đổi mới từ tất cả các lĩnh vực của xã hội vì lợi ích của người học. Nó cần phải huy động các cấu trúc mới, phương pháp tiếp cận mới và công nghệ mới để tạo nên sự cân bằng kỹ năng mới để mọi người có thể học tập suốt đời.

Với ý này, chúng tôi đưa ra các kiến nghị sau :

1. Xã hội học tập cần có một liên minh lớn mạnh từ chính phủ, doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ, và các nhà đầu tư xã hội, những người cùng nhau mang lại tính hợp pháp, đổi mới và các nguồn lực, biến xã hội học tập thành hiện thực. Thành viên của nhóm này có thể khác nhau, nhưng cùng chung mục đích và mục tiêu và là nhóm luôn sẵn sàng đón nhận tất cả những ai ủng hộ mình – những nhà cải cách và những người tài trợ.

2. Xã hội học tập cần phải kết hợp các nhà cung cấp giáo dục đến từ lĩnh vực công lập, tư thực và các tổ chức thứ ba, cá nhân – những người cung cấp nội dung, cơ hội học tập và hướng dẫn cho người học ở mọi lứa tuổi. Với nỗ lực đổi mới, xã hội học tập phải tích cực khuyến khích những người mới và không cho phép tồn tại độc quyền.

3. Các nhà cung cấp mạng viễn thông (được chính phủ hỗ trợ) đảm bảo mọi người đều tiếp cận được cơ sở hạ tầng học tập chung – đó là những con đường dẫn đến cộng đồng học tập. Tạo điều kiện thuận lợi để cho mọi người tiếp cận là cơ sở khuyến khích học tập, và là phương tiện

tạo ra kết nối liên tục, chất lượng cao, chi phí thấp (và đôi khi, miễn phí) tại nhà, nơi làm việc, khi đi lại và ở những nơi công cộng. Các chính phủ và cộng đồng quốc tế cần ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng chủ chốt và quy định sáng suốt để giúp mọi người tiếp cận, kết nối được với Internet có chi phí thấp nhưng tốc độ cao. Các nhà cung cấp dịch vụ nên hợp tác với các tổ chức giáo dục và các nhóm cộng đồng để phát triển những mô hình phân phối mới đảm bảo quyền tiếp cận cho mọi người.

4. Tất cả các nhóm phải đầu tư nhiều thời gian và tiền bạc hơn cho học tập. Người sử dụng lao động và công đoàn nên khuyến khích nhân viên, thành viên của mình và cộng đồng tận dụng cơ hội học tập và tài trợ vốn và phân thưởng cho việc đó. Các cá nhân phải chuẩn bị chia sẻ những gánh nặng học tập mà có lợi ích tư nhân (phát triển cá nhân và nghề nghiệp).

5. Việc cung cấp khả năng học tập suốt đời, đa dạng cần có mô hình tài trợ mới để đầu tư cho giáo dục dễ dàng hơn. Cá nhân và chủ doanh nghiệp đầu tư vào học tập nên được giảm thuế đối với những người thất nghiệp, cần phải tạo ra các quỹ khuyến khích học tập. Chính phủ nên áp dụng các quy định và thuế để khuyến khích các tổ chức tài chính phát triển các công cụ tài chính mới cho phép học viên tiếp cận các cơ hội khi họ cần chúng nhất. Họ có thể làm điều này bằng cách hạ thấp chi phí, giảm thiểu rủi ro, tạo điều kiện cho việc thanh toán.

6. Các tổ chức quốc tế và các nhà đầu tư xã hội, về lâu về dài, nên hướng chính phủ và các doanh nghiệp phát triển các hệ thống chuẩn năng lực thực hiện, hợp pháp, chất lượng bằng cấp được công nhận trên thế giới một cách dễ dàng.

7. Năng lực thực hiện phù hợp dẫn dắt sự đánh giá và đánh giá để điều chỉnh học tập bằng sự khớp nối với những giá trị xã hội. Phần lớn đánh giá hiện nay đo lường những điều sai theo hướng đi/cách làm sai. Những nguyên tắc đánh giá toàn cầu hiện nay cần thay đổi để hỗ trợ xã hội học tập, phát triển kỹ năng bổ ích, cũng như nội dung kiến thức, và cấu trúc lại các bước/giai đoạn, không phải thời gian.

8. Muốn phát triển nhanh chóng và tránh trùng lặp, cần xây dựng khung tiêu chuẩn để đánh giá tác động của đổi mới trong học tập. Điều này cần có kinh phí lớn và cần được hỗ trợ bởi nguồn kinh phí đáng kể cho việc đánh giá độc lập nghiêm ngặt các sáng kiến, ghi chép và phổ biến các kết quả.

9. Không có sự hướng dẫn liên tục của giáo viên hoặc giảng viên, thì có nguy cơ là người học sẽ bị mất phương hướng trong xã hội học tập. Những mô hình hiện tại có thể không có sức nặng gắn bó suốt đời với người học, cho nên xã hội học tập phải tạo ra những cách mới trong việc quản lý các mối quan hệ hỗ trợ suốt đời với người học. Người học cần được tiếp cận cố vấn học tập độc lập và tin cậy để có thể xin ý kiến, nhờ trợ giúp, được động viên và được cung cấp thông tin. Để làm được việc này người học cũng cần có không gian độc lập, bảo đảm và thường xuyên giống như việc lưu giữ kết quả của hồ sơ sức khỏe vậy.

10. Xã hội học tập phải có tài trợ đa dạng của các nhà cải cách – từ việc phổ biến mô hình được công nhận cho đến thử nghiệm các dự án mạo hiểm và có phần thưởng lớn. Chính phủ cần quan tâm hơn vào việc phát triển hệ thống học tập như: “những người hỗ trợ tốt” – đề xuất những ý tưởng mới, khuyến khích những cá nhân sáng tạo và cấp vốn cho những nơi cần.

## PHẦN 1. TỪ HỆ THỐNG GIÁO DỤC ĐẾN XÃ HỘI HỌC TẬP

### *Học tập là điều quan trọng và ngày càng quan trọng hơn*

Học tập luôn là nền tảng để loài người tiến bộ. Ở đâu cũng vậy, học tập mang đến mức lương cao hơn, hoàn thiện con người, khỏe hơn và sống lâu hơn.

Những người có trình độ học vấn cao kiếm được nhiều hơn, làm những công việc vừa ý, và có hiệu quả cao hơn<sup>2</sup>.

Khi làm việc, những người được đào tạo cao hơn được thưởng nhiều hơn bằng các phụ cấp như là hưu trí, nghỉ phép, chăm sóc sức khỏe, và trải qua cuộc sống tốt hơn suốt cuộc đời<sup>3</sup>.

Ở độ tuổi lớn hơn, các hoạt động học tập có thể giúp họ tránh khỏi suy giảm trí nhớ<sup>4</sup>.

Tuy nhiên, lợi ích học tập mang lại không chỉ đối với cá nhân mà còn cả xã hội. Học tập tạo ra của cải, giúp xã hội hồi phục nhanh hơn trước các cú shock kinh tế và thay đổi công nghệ, làm giảm tội phạm và giảm chi phí phúc lợi xã hội.

Học vấn cao hơn giúp thế hệ sau học tập tốt hơn, cải thiện sức khỏe, giảm tỷ lệ tội phạm, gắn kết xã hội hơn, người tiêu dùng hiểu biết hơn và quyết định về mọi mặt chính trị và dân chủ sáng suốt<sup>5</sup>. Có

một số bằng chứng cho rằng giáo dục tại trường học có mối liên quan tích cực đến sự truyền bá của công nghệ mới trong xã hội<sup>6</sup>.

### *Triết lý học tập mới*

Thế giới của giáo dục đang trải qua hình thức đặc biệt của riêng mình “biến đổi khí hậu” làm cho việc học trở nên quan trọng hơn bao giờ hết<sup>7</sup>.

Vì thế giới ngày càng phụ thuộc lẫn nhau và công nghệ tiến bộ nhanh hơn nên việc đổi mới, tăng năng suất, và cải cách học tập chuyển từ việc chỉ đơn thuần là quan trọng thành hết sức cấp thiết.

Ngoài ra, trong tương lai, xã hội cần những người có tay nghề cao, sáng tạo, vì chúng ta phải đương đầu với những nan giải của xã hội và thách thức của môi trường ở thế kỷ 21 như: Phát triển bền vững, an ninh, biến động dân số, di cư và sự bình đẳng toàn cầu. Cộng đồng thế giới cần tạo ra những công nghệ và phương pháp tổ chức xã hội mới, làm thay đổi

<sup>2</sup>Hutton, W. và Schneider, P.(2008). "Sự thất bại của thị trường." London: NESTA.

<sup>3</sup>Cách phân loại đầy đủ những lợi ích này được cung cấp bởi Wolfe, B. và Haveman, R. (2002) Lợi ích xã hội và phi thị trường từ giáo dục trong một nền kinh tế tiên tiến. Trong: Kodrzycki, Y. (chủ biên 2002). "Giáo dục trong thế kỷ 21: Đáp ứng các thách thức của một thế giới thay đổi." Boston: Ngân hàng Dự trữ Liên bang Boston

<sup>4</sup>Beddington, J.et al.(2008). Sự thịnh vượng của tinh thần Hiệp Quốc. Thiên nhiên. 455 (7216), pp.1057-60.

<sup>5</sup>Wolfe, B. và Haveman,R. (2002). Lợi ích xã hội và phi thị trường từ giáo dục trong một nền kinh tế tiên tiến. Trong: Kodrzycki, Y.(chủ biên)(2002). "Giáo dục trong

thế kỷ 21: Đáp ứng các thách thức của một thế giới thay đổi." Boston: Ngân hàng Dự trữ liên bang Boston.

<sup>6</sup>Nelson, R. và Phelps, E. (1966). Đầu tư vào con người, phổ biến công nghệ, và tăng trưởng kinh tế. Tạp chí Kinh tế Mỹ. 56 (2), pp.69-70. ". Hình thành nguồn vốn nhân lực và phát triển nguồn nhân lực": trong Wykstra, R. (chủ biên) (1971) New York: Free Press, cũng Mansfield, E.(1982). "Chuyển giao công nghệ, năng suất và chính sách kinh tế." New York: Norton, cũng Wozniak, G. (1987). nguồn vốn nhân lực, thông tin, và thông qua công nghệ mới. Tạp chí nguồn nhân lực. 22 (1), pp.101-112, cũng Foster, AD và Rosen-Zweig, MR (1996) Thay đổi kỹ thuật, nguồn nhân lực và đầu tư: bằng chứng từ cuộc Cách mạng Xanh. Kinh tế Mỹ. 86 (4), pp.931-953.

<sup>7</sup>Khái niệm này được chuyển thể từ PA-Con sulting(2009): London "Thoát khỏi ảnh hưởng của Nữ hoàng màu hồng chính là thành công trong kinh tế mới của giáo dục đại học.": PAConsulting.



hành vi con người và truyền bá những ý tưởng hay<sup>8</sup>.

Kết quả là hình thành triết lý học tập mới. Trong quá khứ, học tập là cạnh tranh, bắt ép, gia trưởng thì triết lý học tập mới là hợp tác, toàn cầu và phổ cập. Hợp tác có nghĩa là mỗi học viên phải làm việc cùng nhau. Toàn cầu có nghĩa là mỗi xã hội đều đóng góp thực hiện và có trách nhiệm với nhau, nên phổ cập bởi vì bất kỳ nơi nào trong xã hội đều phải đầu tư và tham gia vào học tập.

### ***Thách thức của địa phương nhưng là hành trình toàn cầu***

Hệ thống giáo dục hiện nay khác nhau rõ rệt trên toàn thế giới, phản ánh những thách thức riêng biệt của các khu vực khác nhau. Các quốc gia cần phải suy nghĩ khác đi về con đường đi đến thành công về kinh tế và gắn bó xã hội.

Một số cộng đồng đang xây dựng bản sắc mới từ các nhóm dân tộc đơn lẻ, một số khác đang phân đầu phát triển tầm nhìn quốc tế từ quần thể dân chúng thống nhất. Học tập sẽ mang tính quyết định đối với tất cả.

Về cạnh tranh kinh tế, thách thức thường hiện diện ở các quốc gia nhỏ và cần có những giải pháp khác nhau cho những khu vực khác nhau<sup>9</sup>. Những quốc

gia đang cố gắng chạy theo kịp nước khác thường làm tốt hơn bằng việc tiếp thu công nghệ mới và quy trình công nghệ tốt nhất từ các nước khác chứ không phải cải tiến chính mình<sup>10</sup>. Ở những quốc gia này, đầu tư vào giáo dục tiểu học và trung học sẽ có tác động lớn hơn việc đầu tư vào nghiên cứu kỹ thuật mới. Tuy nhiên, đối với các khu vực kinh tế phát triển cao, đổi mới sẽ là động lực chính của sự phát triển, chính vì vậy giáo dục đại học và nghiên cứu khoa học trở nên quan trọng<sup>11</sup>.

Những thách thức bổ sung cùng nhau đảm bảo rằng không có hai quốc gia nào phải đối mặt với những hoàn cảnh giống nhau. Những quốc gia nhỏ thường thiếu tài nguyên thiên nhiên, nguồn nhân lực, ít trường học đại học, nghiên cứu viên và công ty hơn. Vì vậy, họ có xu hướng phải dựa vào nguồn từ nước ngoài về con người, thương mại và ý tưởng. Những nơi được ưu đãi nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú thường xuyên cố gắng để thu hút nhân lực từ các ngành công nghiệp khai khoáng và phát triển nền kinh tế độc lập, dựa trên tri thức trong trường hợp nguồn tài nguyên cạn kiệt. Có lẽ nguy hiểm nhất là việc nhiều quốc gia bị mắc kẹt chính giữa những thách thức nêu trên mà không bị áp lực buộc phải xử lý ngay.

Tuy nhiên, vì thế giới trở nên gắn kết với nhau hơn, các vùng và quốc gia ít bị cô lập và ngày càng phụ thuộc, dựa vào nhau

<sup>8</sup>NESTA (2007). "Đổi mới để đáp ứng với thách thức của xã hội - es." London: NESTA.

<sup>9</sup>Acemoglu, D., Aghion, P. và Zilibotti, F. (2006) Khoảng cách đến biên giới, lựa chọn và tăng trưởng kinh tế. Tạp chí của Hiệp hội Kinh tế châu Âu, No. 4, pp.37-74, cũng thấy Aghion, P., Boustan, L., Hoxby, C. và Vanden - Bussche, J. (2009). "Tác động nhân quả của giáo dục đối với tăng trưởng kinh tế: bằng chứng từ Hoa Kỳ". Washington, DC: Viện Brookings. Điều thú vị, kết quả này không chỉ áp dụng với các nước mà còn với các khu vực trong nước, đặc biệt là việc thực hiện ở các tiểu bang khác nhau của Mỹ. Aghion et al. cho thấy chỉ một đô la cho mỗi người nghiên cứu trong giáo dục đặt ra một mức tăng trưởng hàng năm cho nhà nước bằng cách 0.269 điểm phần trăm, nhưng đặt ra một mức tăng trưởng của nhà nước chỉ 0,093 phần trăm điểm. Mặt khác, chỉ thêm ngàn đô la mỗi năm cho người học

đại học làm giảm mức tăng trưởng của nhà nước 0,055 phần trăm điểm, nhưng lại đặt ra một mức tăng trưởng cho nhà nước có giới hạn hơn 0.474 tỷ lệ phần trăm điểm.

<sup>10</sup> Cohen, W. và Levinthal, D. (1990). Một nhận thức mới về học tập và đổi mới. Khoa học hành chính hàng quý. Vol. 35, số 1, Số đặc biệt: công nghệ, các tổ chức và đổi mới. (tháng 3 năm 1990), pp.128-152.

<sup>11</sup>Acemoglu, D., Aghion, P. và Zilibotti, F. (2006). Khoảng cách đến giới hạn trong lựa chọn và phát triển kinh tế. Tạp chí của Hiệp hội Kinh tế châu Âu. 4, pp.37-74, cũng thấy trong Aghion, P., Boustan, L., Hoxby, C. và Vanden-bussche, J. (2009)". Tác động của giáo dục đối với tăng trưởng kinh tế: bằng chứng từ Hoa Kỳ" Washing-ton, DC: Viện Brookings

về con người, tài nguyên và ý tưởng. Một trong những nguy hiểm lớn nhất đối với sự thành công của tập thể đó là các khu vực trên thế giới hoặc các bộ phận trong xã hội không chú trọng đầu tư vào học tập, không có trách nhiệm với nó và không tạo ra được văn hóa học tập có tính lan tỏa – điều này gây thiệt hại cho tất cả.

### ***Lớn hơn không có nghĩa là tốt hơn***

Hơn thập kỷ qua, thế giới đang "tăng cường tiêu chuẩn hóa trường học. Ở những nước có hệ thống giáo dục tiên tiến đã nỗ lực cải thiện kết quả thi/điểm kiểm tra thông qua việc áp dụng các chuẩn và tính trách nhiệm được thúc đẩy từ các nhà lãnh đạo hệ thống đến lãnh đạo nhà trường và trong lớp học. Còn ở các nước có hệ thống giáo dục tụt hậu, thì mục tiêu là phổ cập giáo dục - nghĩa là tất cả trẻ em đều được đến trường. Theo cách này, những nỗ lực của họ khá thành công.

Khi đối mặt với yêu cầu về nhu cầu học tập thay đổi và tăng cao, có ý kiến cho rằng hệ thống giáo dục chính quy cần phải lớn hơn và có quyền lực hơn. Chúng tôi không đồng ý.

Trên toàn cầu, sự phát triển về nhu cầu học tập đã vượt xa khả năng mà giáo dục truyền thống có thể đáp ứng - và đây mới chỉ là sự khởi đầu. Mười triệu giáo viên cần phải có để đáp ứng nhu cầu dự kiến tại Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, và riêng tại Nigeria, mỗi trường học mới cần phải có các tòa nhà và cơ sở hạ tầng<sup>12</sup>.

Nền kinh tế phát triển cũng có những vấn đề riêng. Trên hết là giảng dạy không còn được đánh giá ở địa vị cao, có thu nhập nghề nghiệp cao và tiền lương chắc chắn không thể theo kịp với các lĩnh vực tư nhân đang phát triển. Ở các xã hội này,

giáo viên có chất lượng đang thiếu, đặc biệt đối với các môn khoa học và toán học.

Đưa học sinh đến trường không có nghĩa là các em thực sự có kiến thức. Đánh giá thành tựu nền giáo dục có liên quan chặt chẽ với tăng trưởng kinh tế, nhưng chỉ cần học nhiều ở trong nhà trường cũng không có nghĩa là những thành tựu giáo dục tăng lên:

*Tăng số lượng năm học trung bình bởi sự gia tăng lực lượng lao động sẽ đẩy mạnh kinh tế chỉ khi kết quả học tập và kỹ năng nhận thức tăng lên. Nói cách khác, không chỉ đơn giản là phải đến trường nhiều hơn; một số vấn đề khác phải được học ở đây<sup>13</sup>.*

Thậm chí công tác tuyển chọn giáo viên, xây dựng trường lớp và dạy học có hiệu quả hơn, trước đây trong chừng mực nào đó là hiện thực, nhưng vẫn chưa đủ. Nhu cầu xã hội về lực lượng lao động và nhân sự đáp ứng được cho mười năm sau đặt ra yêu cầu về những người đã được đào tạo hoặc đã tốt nghiệp và đi làm.

Do đó thường thấy là các hệ thống giáo dục chính quy truyền thống sẽ thực hiện được một phần tương đối nhỏ so với những yêu cầu mang tính toàn cầu của chúng ta về học tập hiện nay. Trong việc tìm cách cải thiện tình hình, chúng ta cần phải có câu trả lời ở nơi khác cho vấn đề giáo dục hóc búa của thời đại chúng ta.

### ***Giải pháp mới cho vấn đề mới***

Chúng ta cần phải thay đổi câu hỏi. Thay vì: "Làm thế nào để mọi người được đến trường?". chúng ta cần hỏi: "Làm thế nào có thể giúp mọi người học tập hiệu quả nhất trong suốt cuộc đời?".

Các hệ thống giáo dục sẽ đóng một vai trò quan trọng, nhưng chỉ khi chúng được

<sup>12</sup>Phân tích dựa trên các dữ liệu của Viện Thống kê UNESCO (2005), "Tập san Giáo dục thế giới năm 2005." Paris: UNESCO.

<sup>13</sup>Hanushek, E. et al. (2008). Giáo dục và phát triển kinh tế. Giáo dục kế tiếp. 8 (2), p.64.

đổi mới toàn diện theo hướng mà chúng có ảnh hưởng và hình thành xã hội học tập. Xã hội học tập là:

1. Tạo ra nền văn hóa học tập suốt đời;
2. Nhằm mục đích phát triển năng động, những học viên tham gia là những người sẵn sàng chinh phục những thách thức trong tương lai cũng như hiện tại;
3. Mang học tập đến cho học viên, nhìn nhận học tập như là một hoạt động chứ không phải là một vị trí;
4. Tin tưởng rằng học tập cho tất cả mọi người, không ngoại trừ bất kỳ ai;
5. Nhận ra rằng con người học tập theo cách khác nhau và phân đầu để có thể đáp ứng được những yêu cầu đó;

6. Nghiên cứu và phát triển các dịch vụ cung cấp giáo dục mới, từ khu vực công lập, đến tư nhân và phi chính phủ;

7. Phát triển những mối quan hệ mới và mạng lưới mới giữa học viên, các nhà cung cấp, người tài trợ vốn và những người cải cách;

8. Cung cấp cơ sở hạ tầng cần thiết để thành công, có thể vẫn là hạ tầng cơ sở vật chất nhưng sẽ tăng cường cơ sở hạ tầng ảo;

9. Hỗ trợ hệ thống đổi mới liên tục và phản hồi để phát triển kiến thức mà chúng có ý nghĩa thực sự trong những trường hợp cụ thể.

## PHẦN 2. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG GIÁO DỤC

Biến đổi khí hậu đang đến với giáo dục. Một số người đã so sánh những áp lực của toàn cầu hóa, công nghệ và nhân khẩu học như “một cơn bão hoàn hảo”. Nhưng sau cơn bão, cuộc sống có xu hướng quay trở lại trạng thái bình thường.

Điều này không xảy ra trong lĩnh vực giáo dục. Là kết quả của toàn cầu hóa, sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ, và thay đổi nhân khẩu học mạnh mẽ, giáo dục đang trải qua thời kỳ dài và biến đổi khí hậu mang tính tất yếu, điều này làm thay đổi hoàn toàn mức độ và bản chất của nhu cầu học tập.

Xây dựng xã hội học tập là yêu cầu của kế hoạch dài hạn đáp ứng những thay đổi. Đó là cách tổ chức học tập để giải quyết với những thực tế mới và để đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập ở địa phương và toàn cầu.

### *Toàn cầu hóa và học tập*

Thế giới ngày càng phụ thuộc lẫn nhau. Như là một phần của GDP toàn cầu, thương mại giữa các nền kinh tế tăng trưởng từ 40,1% vào năm 1990 đến hơn 60% hiện nay<sup>14</sup>. Cuộc cách mạng công nghệ thông tin, cùng với ngành vận tải, hàng không và hàng hải phát triển, được thương mại hóa, tiết kiệm nhiên liệu hơn và gắn kết các thị trường trên thế giới và đưa những nhà sản xuất mới, có chi phí thấp tham gia vào thị trường, làm cho giá thành giảm nhưng vẫn đem lại lợi nhuận cho các nhà sản xuất.

### *Tăng lợi nhuận vào học tập: không có phần thưởng cho vị trí thứ hai*

Toàn cầu hóa cũng có nghĩa là nhân lực cần phải sản xuất ra sản phẩm mà thể mua nó ở gần như bất cứ nơi đâu. Ngày nay,

<sup>14</sup>Chỉ số phát triển của Ngân hàng Thế giới, năm 2009.

nhiều công việc được chuyển giao từ nước này sang nước khác với tốc độ đáng kinh ngạc<sup>15</sup>.

Với ‘cái chết của khoảng cách – death of distance’, điều này gia tăng khó khăn để sống nếu tồn tại ở vị trí thứ hai<sup>16</sup>. Người tiêu dùng và các nhà nghiên cứu có thể tìm kiếm sản phẩm tốt nhất trên thế giới. Trong khi trước đây, hệ thống giáo dục có thể tạo ra những con người “đủ giỏi” hoặc những nhà nghiên cứu đáp ứng được những nhu cầu của địa phương, toàn cầu hóa yêu cầu kiến thức chuyên sâu và những kỹ năng bao quát hơn.

Toàn cầu hóa đã tạo ra thị trường việc làm quốc tế linh hoạt hơn đối với cả những người có năng lực học tập và cả những người không có. Những người có năng lực (chúng chỉ/bằng cấp của họ có giá trị và được công nhận trên thế giới) sẽ có địa vị cao và nhiều cơ hội việc làm hơn. Những người năng lực kém hơn, họ thường tham gia vào thị trường lao động với địa vị thấp và mức lương được trả cũng thấp hơn.

### *Nhu cầu hiểu biết văn hóa*

Sự tiến bộ của toàn cầu hóa đòi hỏi rằng chúng ta phải học nhiều hơn nữa về thế giới và nơi chúng ta đang sống.

Một mặt, các công ty toàn cầu, các tổ chức quốc tế và sự di chuyển gia tăng có

nghĩa là hiểu biết về văn hóa trở nên quan trọng hơn bao giờ hết.

Tuy nhiên, điều này cũng có nghĩa là ngày càng cần học hỏi các giá trị cốt lõi xã hội và phong tục tập quán của chính cộng đồng mình sinh sống. Người học cần học về "bản chất công việc của mình cũng như nhu cầu và nguyện vọng của xã hội nơi mà họ sinh sống"<sup>17</sup>. Người học cần hiểu và phát triển bản sắc riêng của mình, nhưng cần hướng đến cộng đồng toàn cầu đang mở rộng hơn bao giờ hết.

### *Học tập toàn cầu*

Dữ liệu từ UNESCO cho thấy số sinh viên du học ngày càng tăng lên, với 2,7 triệu sinh viên quốc tế năm 2006 (tăng so với 2,5 triệu năm 2004)<sup>18</sup>. Nhiều người trong số đó đang học tập để kiếm bằng cấp tại các quốc gia nói tiếng Anh như Mỹ, Anh, và Úc, nhưng hiện nay cạnh tranh toàn cầu ngày càng tăng từ các trung tâm học tập ở khu vực như Malaysia, Singapore và Nam Phi. Các trường đại học gia tăng hình thức học tập từ xa và nhiều trường đại học đã thành lập các chi nhánh đại học ở nước ngoài.

Điều này đã làm thay đổi mức độ và bản chất của nhu cầu học tập. Giáo dục đại học là một ngành công nghiệp tại các nền kinh tế mới nổi, với số dân đông đảo như Ấn độ, Trung Quốc, thì cho dù tỉ lệ sinh viên nhập học thấp chẳng nữa, cũng sẽ mang lại số sinh viên tốt nghiệp khổng lồ (đại học và sau đại học) và thị trường mới, rộng lớn cho các nhà cung cấp giáo dục.

Sự cạnh tranh này, ngược lại, gây áp lực lên các nền kinh tế phát triển vì dân số già đi nhưng vẫn tiếp tục sản xuất một số lượng lớn người tốt nghiệp đại học, sau đại

<sup>15</sup>Berger, S. (2005), " Chúng tôi làm thế nào để cạnh tranh: Các công ty trên thế giới đang làm những gì để có được nền kinh tế thế giới ngày nay." New York: Mở rộng kinh doanh. Như một ví dụ, đầu tư của Mỹ trong kinh tế học gọi là "tài sản vô hình" đã tăng gấp đôi trong 50 năm qua - để thấy tầm quan trọng tri thức ngày nay chứ không phải là thuần túy trong việc cung cấp so sánh quảng cáo thuận lợi (Corrado, C., Sichel, D. và Hulten, C. (2006) " vốn vô hình và tăng trưởng kinh tế." Feds Working paper số 2006-24 Washington, DC.: Dự trữ liên bang.

<sup>16</sup>Cairncross, F.(2001). "Khoảng cách của cuộc sống: Cách mạng hóa thông tin như thế nào để làm thay đổi cuộc sống của chúng tôi ." Cambridge, MA: Harvard Business School Press.

<sup>17</sup>Gardner, H. (2006). "Năm trí tuệ cho tương lai." Cambridge, MA: Harvard Business School Press.

<sup>18</sup>Phân tích dựa trên số liệu thống kê (2006) của UNESCO. "Tập san giáo dục thế giới năm 2006." Paris: UNESCO.

học. Đồng thời, tỉ lệ thất nghiệp của người tốt nghiệp tăng lên tại các quốc gia như Trung Quốc đòi hỏi nhiều hình thức học tập thích hợp khác chứ không phải học để có tấm bằng như trước đây.

### ***Những yêu cầu thay đổi công nghệ và kỹ năng khác nhau***

Thay đổi về công nghệ theo cấp số nhân, không phải là thay đổi từ từ.<sup>19</sup> Thúc đẩy mạnh mẽ sự thay đổi này là “các công nghệ đa năng” như máy in, đường sắt, công nghệ sinh học<sup>20</sup>.

Những đổi mới này không chỉ hạn chế trong một ngành, mà là sự chuyển giao trong nhiều lĩnh vực làm thay đổi sâu sắc về kinh tế-xã hội ở những nơi áp dụng. Tần suất của những đổi mới này đang gia tăng: Chỉ có hai công nghệ ở thế kỷ 18, bốn công nghệ ở thế kỷ 19 và ở thế kỷ 20 là 7. Ở thập kỷ hiện nay, đã có (công nghệ nano), không có gì là không hợp lý khi thế kỷ 21 sẽ có thêm những bước tiến xa hơn<sup>21</sup>.

### ***Yêu cầu thay đổi đối với các kỹ năng***

Công nghệ đã cắt giảm nhu cầu về công việc phổ thông như thư ký, nhân viên tổng đài, các lập trình viên máy tính, những công việc chịu sự chi phối của qui luật suy diễn và dễ dàng nhận biết được đều đã được tự động hóa. Ngược lại, hiện có nhu cầu cao đối với những công việc cần kỹ năng cao như kỹ sư phần mềm, tư vấn quản lý<sup>22</sup>, hoặc là những công việc mà công nghệ không thể dễ dàng thay thế được như các nhân viên chăm sóc.

*Hình 1 dưới đây đã sử dụng các dữ liệu qua bốn thập kỷ để biểu diễn sự đóng góp của những kỹ năng cần thiết đã làm thay đổi nền kinh tế như thế nào. Đáng chú ý, các kỹ năng chuyên môn đang có nhu cầu cao hơn rất nhiều so với các kỹ năng thông thường.*

---

<sup>19</sup>Nhìn vào GDP thế giới trong một thời gian dài cho thấy phương tiện công nghệ bùng nổ như thế nào và phát triển kinh tế đã có được những gì trong hơn 15.000 năm. Như ta thấy trong thời kỳ săn bắn, hái lượm bình quân là 90 \$/người/năm, vào năm 1750 tại châu Âu là \$180/người/ngày. GDP/đầu người trên thế giới đã tăng 37 lần trong quãng thời gian 250 năm cho đến ngày hôm nay là \$6,600 (De Long, J. Bradford (1998). "Ước tính GDP trên thế giới, một triệu". Báo cáo của Berkeley: Đại học California, Berkeley.

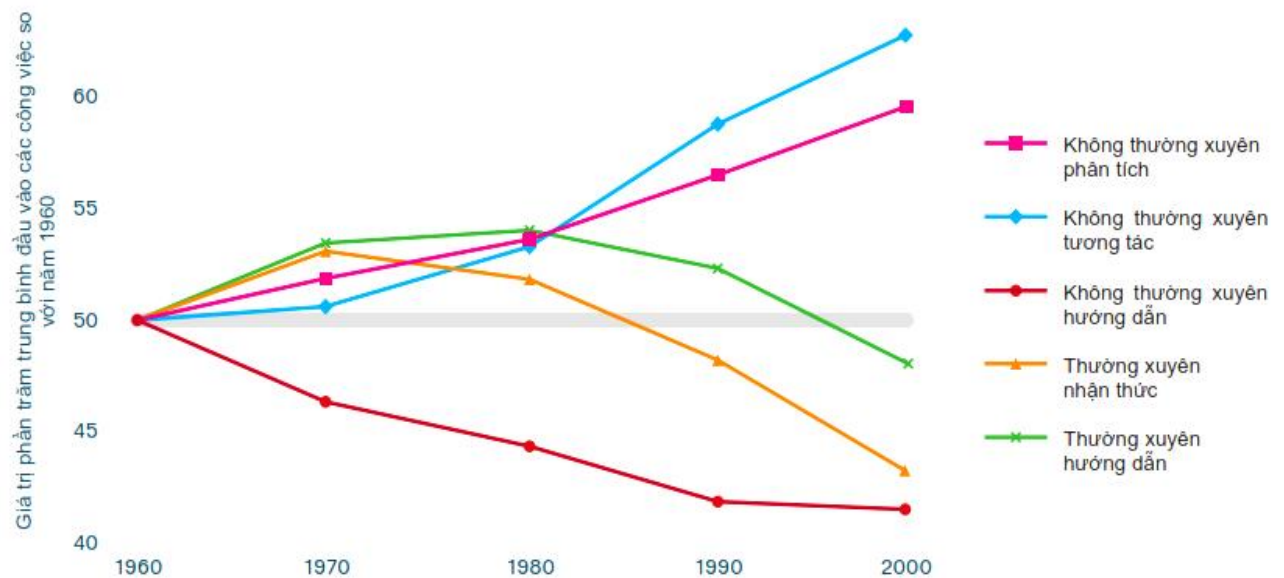
<sup>20</sup>Tiêu chuẩn đo lường mức chính xác về kinh tế được đánh giá thấp do tác động của các công nghệ hiện nay. Họ không phải chỉ làm cho sản xuất mặt hàng rẻ và chất lượng hơn cơ bản có thể đưa ra các mặt hàng sản xuất hoàn toàn mới tốt hơn so với những cái đã có (Lipsey, R., Carlaw, K. và Bekar, C.(2006)" Kinh tế thay đổi: Mục đích chung là tăng trưởng kinh tế lâu dài." Oxford: Oxford University Press).

<sup>21</sup> Lipsey, R., Carlaw, K. and Bekar, C.(2006)" Mục đích chuyển đổi kinh tế: Chính là sự khảo sát tăng trưởng kinh tế lâu dài". Oxford; xem thêm ở tờ của báo Đại học Oxford, Kurzweil, R.(2005). "The Singularity is Near: Khi con người thay đổi về mặt sinh học". New York: Viking Press.

---

<sup>22</sup>Thu thuế " Bộ phận lao động mới, theo như F. và Murnane, R.(2004). Làm thế nào tạo thị trường và phương tiện làm việc." Princeton: Đại học Princeton, cũng trong Goos, M. và Manning, A. (2007). Phân loại công việc nằm trong các báo cáo rà soát của nền kinh tế và theo các số liệu thống kê. 89 (1), p.118-133 ở Anh quốc.

Hình 1: Các đo đạc kinh tế - chiều rộng của nhiệm vụ đầu vào cố định và không cố định năm 1960-2000.



Nguồn: biểu đồ Cập nhật từ R.Murnane tại một công ty truyền thông tư nhân (2010). Dựa trên Autor, D., Levy, F. và Murnane, R. (2001). "Các nội dung kỹ năng của thay đổi công nghệ gần đây: Một thực nghiệm khám phá". NBER tài liệu báo cáo số 8337. Boston, MA: Cục nghiên cứu kinh tế quốc gia.

### **Đạo đức hay vòng luẩn quẩn: Người có kỹ năng trở nên giàu có**

Việc tăng cường đổi mới công nghệ làm tăng giá trị của học tập và tăng lợi nhuận đầu tư cho học tập.

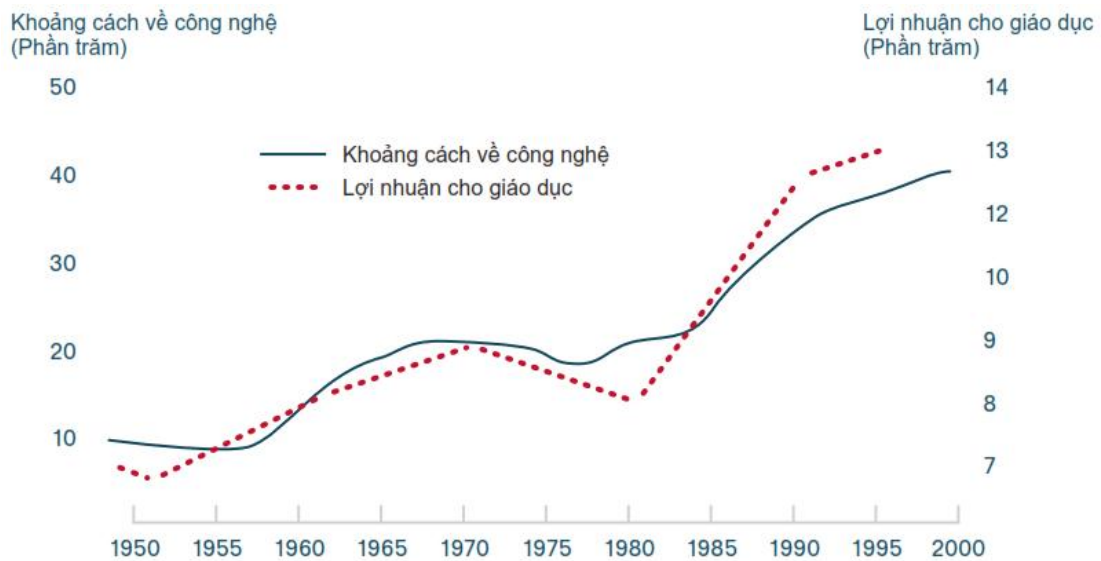
Hình 2 cho thấy trong năm 1950, "khoảng cách công nghệ" (khoảng cách giữa năng suất thực tế trung bình và mới trong thiết bị và phần mềm) là nhỏ, đòi hỏi ít các kỹ năng, khi một công nghệ mới được áp dụng. Tuy nhiên, vào năm 2000, khoảng cách này đã tăng lên 40% và trong một số lĩnh vực như truyền thông, nó tăng cao đến 73,4%<sup>23</sup>. Kết quả là, các lợi ích kinh tế của việc học cũng tăng, khen thưởng sẽ dành cho những người có kỹ

năng cao và những bất lợi dành cho những người có kỹ năng thấp.

Công nghệ thực sự dẫn dắt nhu cầu học tập mới theo hai cách: cho những người làm việc tốt và thường xuyên cập nhật kỹ năng mới và những người có kỹ năng thấp phải đào tạo lại hoặc để theo kịp.

<sup>23</sup>Cummins, J. và Violante, G. (2002). Đầu tư – thay đổi kỹ thuật chi tiết ở Mỹ (1947-2000): Biện pháp và hệ quả kinh tế vĩ mô. "Review of Economic Dynamics". 5(2), pp. 243-284.

Hình 2: Mở rộng khoảng cách công nghệ và tăng lợi nhuận cho giáo dục



Nguồn: Cummins, J. và Violante, G. (2002). Đầu tư – thay đổi kỹ thuật chi tiết ở Mỹ (1947-2000): Biện pháp và hệ quả kinh tế vĩ mô. “Review of Economic Dynamics”. 5(2), pp. 243-284.

### **Nhu cầu đối với một chương trình mới**

#### *Kỹ năng chuyên môn cho tất cả?*

Toàn cầu hóa làm tăng giá trị và tầm quan trọng của kỹ năng chuyên môn cao và bí quyết sản xuất (know-how). Tuy nhiên, những kỹ năng chuyên môn và kiến thức chuyên sâu cần một thời gian dài mới có được. Trong “Outliers”, Malcom Gladwell đã phổ biến và mở rộng những phát hiện của Ericson rằng các chuyên gia trong nhiều lĩnh vực mất khoảng 10.000 giờ để phát triển các kỹ năng nổi trội của mình<sup>24</sup>.

Công nghệ có thể giúp khắc phục điều này bằng cách tạo ra cơ hội tiếp cận dễ dàng và nhanh chóng hơn các nguồn tri thức chuyên môn đẳng cấp quốc tế: Những nhà tư tưởng, nhà nghiên cứu, giáo viên và chuyên gia giỏi nhất trong các lĩnh

vực. Với video được cải thiện và những công nghệ hợp tác đúng đắn, học tập từ xa và hợp tác trở thành những trải nghiệm phong phú. Tuy nhiên “học” các môn chuyên ngành không chỉ là học kiến thức mà là học cả phương pháp rèn luyện.

Học áp dụng phương pháp khoa học như thế nào là một kỹ năng sống có thể áp dụng vào rất nhiều tình huống, cho phép các học viên liên hệ với các chuyên gia ở nhiều lĩnh vực khoa học. Khoa học xã hội dựa trên những chứng cứ giống nhau, luật pháp cũng vậy. Bằng cách dạy phương pháp cơ bản này, những môn học hướng đến liên môn/tích hợp cho phép mọi người có thể áp dụng kiến thức vào đời sống và giúp họ giải quyết với những vấn đề mà chúng ta không thể ngờ đến.

Trước đây, những loại kỹ năng này đã được dạy như là chìa khóa của kinh nghiệm giáo dục cho một số ít người, thường là trong các trường đại học. Giờ đây chúng ta cần hình dung ra một thế giới mà mọi người được truyền đạt kiến thức rộng hơn và được phát triển suốt đời.

<sup>24</sup>Gladwell, M. (2008). “Những phác thảo: Câu chuyện về sự thành công”. Little, Brown and Company. Xem Ericsson, KA, Prietuala, MJ và Cokely, ET. Sự sáng tạo của một chuyên gia. Harvard Business Review. Tháng 7 – 8/2007.

Học viên trẻ tuổi không những chỉ cần biết một số kiến thức khoa học, lịch sử, toán học mà còn cần phải biết làm thế nào để trở thành nhà khoa học, nhà sử học và nhà toán học, và thực hành những môn học này. Họ cũng cần phải nhận thức được tầm quan trọng của hợp tác liên ngành, qua đó nảy sinh những môn học mới, những lĩnh vực tri thức mới.

*Định hướng tri thức cũng quan trọng như hiểu biết dữ liệu thông tin*

Công nghệ mới làm tăng sự hiện diện của thông tin; mọi người tiếp cận được với thông tin nhiều hơn trước đây.

Sự gia tăng liên tục của Internet có nghĩa là giá trị không chỉ ở chỗ biết thông tin mà còn biết tìm thông tin/kiến thức ở đâu, có khả năng phân biệt các dữ liệu khác nhau, biết được ai có thể giúp đỡ mình, và sau đó là có thể chứng minh bạn đã tìm được những gì.

Trong quá trình tương tác có ảnh hưởng mạnh mẽ, sự bùng nổ kiến thức đã dẫn đến sự gia tăng lớn về số lượng tri thức mà các xã hội có thể tạo ra. Các nhà bình luận hiện đang nói về việc giảm đi một cách nhanh chóng "nửa vòng đời"<sup>25</sup> của kiến thức, trong nhiều lĩnh vực nửa vòng đời này bây giờ được tính bằng tháng chứ không phải bằng năm nữa.

### ***Tập hợp những kỹ năng mới***

Công dân trong thế kỷ 21 cần bổ sung các kỹ năng cơ bản và kiến thức với một tập hợp các kỹ năng có yêu cầu cao hơn so với trước đây. Có rất nhiều cuộc tranh luận về 'Những kỹ năng của thế kỷ 21', những phạm trù chính xác có thể khác nhau, nhưng tựu chung các kỹ năng được xác định trong 8 nhóm sau:

1. Thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin.

2. Làm việc tự chủ theo tiêu chuẩn cao với sự giám sát tối thiểu.

3. Dẫn dắt những người làm việc tự chủ khác thông qua ảnh hưởng

4. Sáng tạo và biến sáng tạo thành hành động

5. Suy nghĩ nghiêm túc và đặt ra những câu hỏi đúng

6. Cố gắng hiểu quan điểm của người khác và hiểu được toàn bộ vấn đề

7. Giao tiếp hiệu quả, thường xuyên sử dụng công nghệ

8. Làm việc có đạo đức, kiên định dựa vào cộng đồng của mình và toàn thể hành tinh.

Bên cạnh những kỹ năng nhận thức, có bằng chứng cho thấy tầm quan trọng của những kỹ năng không đòi hỏi nhận thức hoặc sự sắp đặt. Một lần nữa, có rất nhiều định nghĩa về các kỹ năng này, nhưng báo cáo gần đây nhất từ Quỹ Thanh niên kiến nghị rằng chúng nên gồm<sup>26</sup>:

- Trí thức xã hội;
- Kim chế cảm xúc;
- Hành vi tổ chức;
- Tự kỷ luật.

Những kỹ năng này rất quan trọng. Việc chuyển một người từ vị trí thứ 25 lên 75 trong thang bậc phân loại kỹ năng không đòi hỏi nhận thức làm tăng lương khoảng 10% đối với nam và 40% với nữ<sup>27</sup>, trong khi nam giới là những người giữ vị trí lãnh đạo trong các trường trung học

<sup>25</sup>Gonzalez, C. (2004). "Vai trò của công nghệ trong học tập trên thế giới." cập nhật ngày 10 Tháng 12 năm 2004 từ <http://www.unt.edu/benchmarks/archives/2004/september04/eis.htm>.

<sup>26</sup>Robert, Y.(2009)."GRIT: Kỹ năng để thành công và làm thế nào để chúng phát triển". London:Young Foundation.

<sup>27</sup>Heckman,J., Stixrud, J. và Urzua, S(2006). Ảnh hưởng của khả năng nhận thức và không nhận thức trên kết quả thị trường lao động và hành vi xã hội. Tạp chí Kinh tế lao động.(24),pp.411-482.



kiếm được mức lương cao hơn 33% khi trưởng thành<sup>28</sup>.

Các kỹ năng không thuộc về nhận thức cũng có ảnh hưởng rất lớn đến thành tích học tập. Chẳng hạn, tăng điểm số không thuộc về nhận thức từ vị trí 25 lên 75 trong thang bậc phân loại gắn liền với việc tăng 30% tỷ lệ đạt tốt nghiệp của một trường cao đẳng/ĐH nào đó với thời gian đào tạo 4 năm<sup>29</sup>.

Những kỹ năng này không thay thế nhu cầu cần có kiến thức, học bổng và nắm vững các môn học, ngành học, nhưng hiện tại chúng rất cần được kết hợp với nhau.

### ***Sự thay đổi nhân khẩu học dẫn đến nhu cầu mới cho học tập suốt đời***

Nhiều quốc gia có dân số già hóa. Độ tuổi trung bình đang tăng lên (trong nhiều trường hợp hơn 50 tuổi, xem hình 3) có nhiều người ở độ tuổi nghỉ hưu hơn là người trong độ tuổi đi học. Xã hội đang già hóa này phải đối mặt với tỷ lệ sống phụ thuộc ngày càng tăng, một số lượng lớn người già hơn sẽ trông mong người trẻ tuổi hơn xây dựng nền kinh tế và cung cấp các dịch vụ xã hội, do đó làm kinh tế phát triển chậm đi. Thực tế, nếu không có thay đổi lớn, những chi phí tài chính dành cho già hóa dân số, bao gồm các loại quyền lợi từ chăm sóc y tế đến lương hưu, sẽ cao gấp mười lần chi phí của hệ thống tài chính hiện nay<sup>30</sup>.

Hình 3: Tuổi trung bình của các quốc gia được dự kiến là 50 hoặc hơn vào năm 2050

Đài Loan	56.3	Hồng Kong	54.0	Armenia	52.3
Nhật	56.2	Ukraina	54.0	Croatia	52.1
Bulgaria	55.9	Romania	53.9	Cuba	52.0
Hàn Quốc	55.5	Slovakia	53.9	Đức	51.8
Slovenia	55.3	Latvia	53.8	Belarus	51.7
Cộng hòa Séc	55.0	Ý	53.5	Hungary	51.2
Ba Lan	54.5	Hi Lạp	53.3	Bồ Đào Nha	51.1
Singapore	54.3	Lithuania	52.8	Áo	50.9
Tây Ba Nha	54.2	Bosnia & Herzegovina	52.7	Georgia	50.2

\*Không bao gồm các quốc gia có dân số dưới 1 triệu người.

Từ: Howe, N. và Jackson, R. (2008) "Sự già hóa dân số của các cường quốc: Dân số và địa chính trị thế kỷ 21" Washington, DC: CSIS. Tài liệu nguồn: "Triển vọng dân số thế giới" (Liên hợp quốc, 2007) và "Dự báo dân số cho Đài Loan, 2006-2051." Đài Bắc: Hội đồng Kinh tế kế hoạch và phát triển, Đài Loan.

Nguồn :<http://www.cepd.gov.tw/encontent>

Tuy nhiên, không phải nơi nào trên thế giới này cũng đang già đi. Đồ thị “đáy phình to thể hiện số người trẻ tăng cao” tồn tại ở châu phi và Trung đông, các khu vực bị tàn phá bởi HIV/AIDS, nay thể hiện biểu đồ dân số hình đồng hồ cát, có nghĩa là có rất nhiều người trẻ và người già

<sup>28</sup>Kuhn, P.vàWeinberger, C.(2005) Kỹ năng lãnh đạo và tiền lương. Tạp chí Kinh tế Lao động.23(3), pp.395-436.

<sup>29</sup>Heckman, J., Stixrud, J. và Urzua, S.(2006)Ảnh hưởng của nhận thức và khả năng không nhận trên kết quả thị trường lao động và hành vi xã hội. Tạp chí Kinh tế Lao động.(24),pp.411-482.

<sup>30</sup>Blanchard, O. (2009). Duy trì một nền kinh tế tài chính phát triển trên thế giới. Vol.46, số 3.

nhưng ở giữa lại có rất ít người lao động làm việc hiệu quả.

### *Duy trì và đào tạo lại*

Hiện nay, người ta ước tính rằng tại Mỹ, người lao động trải qua 10 công việc khi ở độ tuổi 42, và phần lớn mỗi công việc họ làm trong thời gian dưới 5 năm<sup>31</sup>. Những con số này dường như ngày càng tăng lên.

Do đó, không thể có tỷ lệ người có việc làm cao trong lực lượng lao động nếu không đồng thời đầu tư vào nền tảng học tập suốt đời cho phép mọi người tái nhập thị trường lao động sau một thời gian dài không làm việc, hoặc được đào tạo thêm trong những lĩnh vực mà trước đó thậm chí là chưa xuất hiện ở thời điểm họ rời ghế nhà trường. Nhận thức được điều này là rất quan trọng để những người lao động đóng một vai trò tích cực và trọng yếu trong việc tạo thói quen làm việc và cơ hội phát triển văn hoá học tập.

### *Gia tăng việc tham gia vào thị trường lao động*

Ở một số quốc gia, nhập cư là một câu hỏi cần giải đáp, cho dù điều này đã gây nên những tranh luận về chính trị<sup>32</sup>. Tuy nhiên, gia tăng số người tham gia vào thị trường lao động là cần thiết, có nghĩa là một số lượng lớn người già và phụ nữ sẽ phải làm việc. Hiện nay, chỉ khoảng 40% số người trong độ tuổi từ 55 tuổi đến 64

tuổi làm việc tại Châu Âu<sup>33</sup>. Ở châu Á, khoảng 50% đến 60% phụ nữ tham gia lao động, con số này ở mức 40% tại Ấn Độ. Chi phí ước tính về bất bình đẳng giới trên thế giới tại các nơi làm việc khoảng từ 42 tỷ và 45 tỷ đô la Mỹ mỗi năm<sup>34</sup>.

Tăng số lượng người già và phụ nữ tham gia vào thị trường lao động là không dễ dàng và không có giải pháp riêng lẻ. Điều này đòi hỏi sự thay đổi về văn hóa và thái độ của người sử dụng lao động và nhân viên có tiềm năng, cũng như sự thay đổi pháp luật và các quy định về tiền hưu, Luật lao động và phúc lợi xã hội. Ngoài ra, chắc chắn còn đòi hỏi nhiều cơ hội hơn cho mọi người đến trường từ lúc còn nhỏ và sự thay đổi các cơ hội học tập suốt đời.

### *Học tập cho tất cả*

Tóm lại, để có lực lượng lao động mở rộng và đa dạng hơn trong tương lai đòi hỏi người học suốt đời cần có các kỹ năng cơ bản, thái độ yêu thích học tập, khả năng ứng dụng vào các lĩnh vực mới, một nền tảng kiến thức để xây dựng và chống lại bất cứ thách thức nào tiến đến.

### *Nhu cầu bắt tận về những hình thức học tập mới*

Là kết quả của “biến đổi khí hậu” trong giáo dục, năm loại nhu cầu nổi lên dưới đây:

1. Nhu cầu từ các nước đã thiết lập các hệ thống giáo dục chính qui nhưng vẫn bị tụt hậu và muốn vươn lên.

2. Nhu cầu từ các nước đang cố gắng cung cấp những nền tảng giáo dục và những nước đang cần có giải pháp mới để

<sup>31</sup>Kết quả từ Cục Thống kê Lao động của Hoa Kỳ (2008). "Khảo sát quốc gia thanh niên vào năm 1979". Washington, DC: BLS.

<sup>32</sup> Để duy trì lực lượng lao động ở Ý, Nhật Bản, Đức và Hàn Quốc, tổng số lao động nước ngoài sẽ phải tăng lên đến 30-40% của dân số vào năm 2050. Ở Pháp và Anh, dân nhập cư sẽ phải tăng lên từ khoảng 10 đến 20-25% trong năm 2050 (Magnus, G.(2008): Hoboken. Dân số già hóa. "Số liệu thông kê dân số có thể làm thay đổi nền kinh tế toàn cầu và thế giới của chúng ta." , NJ: John Wiley & Sons).

<sup>33</sup>Magnus, G.(2008). "Dân số già hóa " Số liệu thông kê dân số có thể làm thay đổi nền kinh tế toàn cầu và thế giới của chúng ta." Hoboken, NJ: John Wiley & Sons.

<sup>34</sup>Ủy ban Liên hợp quốc về kinh tế và xã hội khu vực châu Á - Thái Bình Dương (2007), Bangkok. "Khảo sát Kinh tế và Xã hội ở khu vực châu Á và Thái Bình Dương." UNESCAP.

loại bỏ chi phí khi áp dụng các mô hình đã được sử dụng của các nước đang phát triển.

3. Nhu cầu từ các nước có hệ thống giáo dục, có vẻ như đang thực hiện rất tốt dựa trên các chuẩn mực truyền thống nhưng lợi nhuận đầu tư đang giảm dần, và đang cố gắng để giúp mọi người phát triển các kỹ năng quan trọng nhất cho thế kỷ sắp tới.

4. Nhu cầu toàn cầu hóa đối với việc cải thiện cơ hội học tập suốt đời.

5. Nhu cầu tiềm năng của học tập đang chờ đợi để được giải phóng. Điều này thể hiện ở những việc như: Học tập để có niềm vui, học tập nghiêm túc suốt cuộc đời, học tập không chính qui tại nhà, trong cộng đồng và học trực tuyến

Đáp ứng một (hoặc cả 5) nhu cầu trên có nghĩa là suy nghĩ của chúng ta đã vượt ra khỏi giới hạn về cơ sở hạ tầng truyền thống của các trường phổ thông và đại học.

### ***Nhu cầu cấp bách cho hành động***

Biến đổi khí hậu trong giáo dục có nghĩa là nhu cầu về học tập ngày càng tăng nhanh, tính chất của nhu cầu đó đang thay đổi khi mà những kỹ năng, kiến thức, môn học mới, và kết quả học tập trở nên quan trọng hơn. Điều đó cũng có nghĩa là việc phải đáp ứng với những áp lực mới mà chúng trở thành sứ mạng then chốt đối với thành công chung của chúng ta, cho mọi xã hội và trên toàn cầu.

Thay đổi tích cực là điều không thể tránh khỏi. Thật vậy, áp lực này có thể gây thiệt hại cho nhiều cá nhân, cộng đồng và xã hội, và cho sự phát triển bền vững trong tương lai của hành tinh. Yếu tố quan trọng là cách chúng ta phản ứng với sự thay đổi của thế giới. Chúng ta chỉ thành công nếu như phát triển và tận dụng được lợi thế của việc đổi mới trong học tập đối với cá nhân và tập thể.

## **PHẦN 3. HẾT SỨC CỐ GẮNG: LỢI NHUẬN ĐẦU TƯ GIÁO DỤC VÀ CẢI CÁCH GIẢM DẦN**

### ***Những thành tựu đáng kể ngược lại với lợi thế được xem xét***

Mô hình giáo dục phổ biến hầu hết trên thế giới (và được mong mỏi gần như ở mọi nơi) đã đạt được thành tựu đáng kể.

- Từ 1900 đến 2000, tỷ lệ nhập học tiểu học ước tính tăng từ dưới 40% trong nhiều<sup>35</sup> vùng đến 85% trên toàn cầu<sup>36</sup>.

<sup>35</sup>Ngoại trừ Tây Bắc Âu, Bắc Mỹ, và khu vực nói tiếng anh của Thái Bình Dương (trong đó tỷ lệ này là 72 phần trăm), xem phần lưu ý văn bản Tài chính và Phát triển . Cohen, J. và Bloom D. (2005) 42 (2) .

<sup>36</sup> Cohen , J. và Bloom , D. (2005) xem phần lưu ý văn bản Tài chính và Phát triển . 42 (2) . Lưu ý rằng tổng ước tính 1900 là một lệ nhập học, trong khi năm 2000 là

- Ở các nước đang phát triển, tỷ lệ xóa mù chữ tăng gấp 3 lần từ 25% đến 75% và số năm đi học trung bình tăng hơn gấp đôi từ 1960 đến 1990, tăng từ 2,1 đến 4,4 năm<sup>37</sup>.

- Số lượng học sinh trường trung học tăng lên gấp 10 lần trong vòng 50 năm qua, khoảng từ 50 triệu đến 500 triệu<sup>38</sup>.

---

một lệ nhập học cao hơn vì vậy việc đạt được là đáng chú ý hơn nữa.

<sup>37</sup>Bloom , D. và Cohen , J. (2002) "Giáo dục cho mọi người: Một cuộc cách mạng chưa thành công" Daedalus ( mùa hè ) . Cam-bridge, MA: MIT.

<sup>38</sup>Bloom , D. và Cohen , J. (2002) "Giáo dục cho mọi người: Một cuộc cách mạng chưa thành công" Daedalus ( mùa hè ) . Cam-bridge, MA: MIT.

Thay vì chỉ trích hệ thống giáo dục không hề thay đổi hơn một thế kỷ, chúng ta nên nhìn vào thành công đáng kể nêu trên: Trong ngành công nghiệp (trừ ngành sản xuất xe đạp và xe hơi) đã có mô hình chuẩn hóa nào chiếm ưu thế ở thế kỷ đầy biến động này chưa?

Những người coi giáo dục là trung tâm phát triển kinh tế xã hội trong tương lai, cần ghi nhận hệ thống giáo dục hiện hành đã có những thành công kỳ diệu trong thế kỷ trước.

### ***Lợi nhuận giảm dần đối ngược với đầu tư tăng lên***

Tuy nhiên, hệ thống giáo dục hiện hành (ngay cả có hiệu quả cao) vẫn không có khả năng đáp ứng được nhu cầu đang càng ngày gia tăng và những thách thức toàn cầu về học tập. Hệ thống giáo dục đã không thể đáp ứng được mức độ gia tăng của nhu cầu:

- Khoảng 759 triệu người trưởng thành thiếu các kỹ năng cơ bản<sup>39</sup>.

- Khoảng 72 triệu trẻ em ở độ tuổi tiểu học hiện không được đi học, và số liệu thống kê chính thức đưa ra con số có thể giảm đi 30% so với thực tế. Cho dù có chuyện gì đi nữa thì trên thế giới sẽ có 56 triệu trẻ em không được đến trường vào năm 2015. Gần 71 triệu thanh thiếu niên không được đến trường năm 2007, chiếm hơn 1/5 trong tổng số độ tuổi đến trường.<sup>40</sup>

- Trẻ em ở độ tuổi tiểu học tại các nước đang phát triển, hơn một phần tư bỏ học trước khi biết đọc, biết viết.<sup>41</sup>

Sẽ cần 10 triệu giáo viên mới để đáp ứng 260 triệu học sinh bổ sung vào hệ

<sup>39</sup>UNESCO (2010) Tiếp cận bên ngoài: "Báo cáo giám sát về giáo dục cho mọi người trên toàn cầu"

<sup>40</sup>UNESCO (2010). Tiếp cận bên ngoài: "Báo cáo giám sát về giáo dục cho mọi người trên toàn cầu"

<sup>41</sup>Cohen, J. và Bloom, D. (2005) xem phần lưu ý văn bản Tài chính và Phát triển. 42(2).

thống giáo dục tại Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, và Nigeria. Và khi đạt được mục tiêu mong muốn đó, chi phí bỏ ra cũng rất lớn<sup>42</sup>.

Đối với những nơi mà hệ thống ổn định, những thách thức này có vẻ còn xa. Tuy nhiên, không nên tự mãn. Hệ thống giáo dục hiện hành đã làm nhiều người thất vọng và mang lại nhiều bất bình đẳng và bất lợi đã cản trở tiến triển của kinh tế và xã hội<sup>43</sup>.

Khi khảo sát kết quả của những em có hoàn cảnh khó khăn, sự thật sâu xa của những thất bại này đã được phơi bày. Tại Mỹ, chỉ có 20% trẻ em ở những gia đình có thu nhập thấp đạt được điểm số cao khi ra trường tương đương với mức trung bình của quốc gia là 50%. Vẫn còn khoảng cách lớn và nhất định giữa thành tích học tập của các học sinh da trắng da đen và học sinh Latin. Thực tế rất lớn, đầu ra khi kết thúc được tăng mạnh từ 310 triệu đô la - 525 triệu đô la vào năm 2008, hoặc là từ 2-4% GDP<sup>44</sup>. Ở Mexico, 85% học sinh bản địa bị điểm 0 trong các bài kiểm tra quốc tế PISA vào năm 2006 và không có điểm nào đạt cao trên mức 4 (quá 6)<sup>45</sup>.

Ở nhiều nước, thành tích của học sinh cũng bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi tầng lớp xã hội. Ở Đức, Hungary và Bỉ, trẻ em ở những gia đình nghèo có kết quả thấp hơn và ở mức thấp hơn so với những em ở các gia đình có hoàn cảnh khá hơn. Tại Iceland, Hồng Kông và Nga, tuy nhiên, có

<sup>42</sup> Phân tích dựa trên dữ liệu thống kê của Viện Thống kê UNESCO (2005), "Tập san thế giới giáo dục năm 2005." Paris: UNESCO.

<sup>43</sup>Bowles, S., Gintis, H. và Osborne, M. (Eds) (2005), "Cơ hội bất bình đẳng: Nền tảng gia đình và kinh tế thành công" Princeton, NJ: Princeton Đại học

<sup>44</sup>Auguste, B., Hancock, B. và Laboissière, M. (2009). Chi phí kinh tế cho nền giáo dục ở Mỹ. Quarterly McKin-Sey. Tháng Sáu 2009.

<sup>45</sup>Guichard, S.(2005), "Những thách thức trong nền giáo dục ở Mexico: cung cấp nền giáo dục chất lượng cho mọi người." Theo báo cáo của Bộ tài chính, số447. Paris: OECD.

những hệ thống công bằng hơn, chứng minh rằng mỗi quan hệ nêu trên là hoàn toàn không xảy ra.

Cuối cùng, tiếp tục đầu tư theo xu hướng truyền thống dẫn đến giảm lợi nhuận sau khi lợi ích tăng nhanh ở những năm 60 và 70, điểm kiểm tra quốc tế vẫn không có sự thay đổi trong một thập kỷ.

***Tiến đến điều không tưởng: Gia tăng cải thiện là không đủ.***<sup>46</sup>

Hệ thống giáo dục chưa bao giờ được thiết kế và tạo nên để đáp ứng nhu cầu vô tận và mới mẻ của học tập. Với sự cải cách không ngừng, có nguy cơ chúng ta chỉ tạo ra những con ngựa chạy nhanh hơn (theo cách nói của Henry Ford), mà không nghĩ được rằng chúng ta có thể phát minh ra những chiếc xe hơi.

Chẳng có gì phải ngạc nhiên khi hệ thống giáo dục từ lâu đã chứng tỏ rất khó có thể cải cách từ bên trong. Như Clayton Christensen đã chỉ ra, các trường học được xây dựng với kiến trúc phụ thuộc lẫn nhau cao, qua đó sẽ cực kỳ tốn kém để khách hàng hóa cơ hội học tập. Từ cách bố trí bên ngoài trường học cho đến vai trò của những quyết định về chương trình giảng dạy và cách đánh giá tập trung, sự phụ thuộc lẫn nhau đã giam hãm nhà trường trong một mô hình giảng dạy cứng nhắc<sup>47</sup>.

Những phụ thuộc lẫn nhau này xuất hiện do thiết kế theo chức năng và sự phát triển mang tính lịch sử. Theo thời gian các quy trình đã bị sửa đổi, bổ sung, liên kết và thay thế, mà các nhà hoạch định chính sách, giáo viên, và phụ huynh thường không nhận thấy. Hậu quả của việc thay đổi quy trình là cách làm việc ngày càng cứng nhắc và góp phần cản trở các cuộc cải cách<sup>48</sup>. Trên thực tế, vì một lý do nào đó hệ thống giáo dục đã trở thành những thành trì kiên cố và bảo thủ.

Giáo dục có nhiệm vụ chính trị và được coi là quan trọng đến mức không thể xem thường. Ảnh hưởng của nó âm ỉ trong nhiều thập niên, trái với phân tích thực chứng và tạo ra những kết quả không ngờ. Thay đổi đòi hỏi phải triệt để, mà những cải cách nội bộ trong ngành giáo dục thì vẫn chưa đủ. Thay đổi trong giáo dục chính quy phải đi cùng phương pháp học tập chính quy hoàn toàn mới và sự kết hợp của cả hai mô hình chính qui và phi chính qui.

---

<sup>46</sup>Tiêu đề này đã được chuyển thể từ cuốn sách "Tiến tới điều không tưởng: Một thế kỷ của cải cách giáo dục công cộng" của David Tyack và Larry Cuba (Đại học Harvard, 1997).

<sup>47</sup>Christensen, C., Horn, M. và Johnson, C. (2008). "Bước đột phá: Nghiên cứu một cách sáng tạo sao cho có thể thay đổi cả thế giới." New York: McGraw-Hill

---

<sup>48</sup>Christensen, C., Horn, M. và Johnson, C. (2008). "Bước đột phá: Nghiên cứu một cách sáng tạo sao cho có thể thay đổi cả thế giới." New York: McGraw-Hill

## PHẦN 4: XÂY DỰNG MỘT NỀN TẢNG KIẾN THỨC MỚI VỀ HỌC TẬP

Trong 50 năm trước, những tiến bộ vượt bậc trong hiểu biết của nhân loại về học tập từ việc học lý thuyết, khoa học, và khoa học thần kinh có nghĩa rằng chúng ta nên cân nhắc lại cách chúng ta nghĩ về yếu tố nào quan trọng nhất: “thời điểm học tập”.

### ***Những hiểu biết mới về cách con người học tập***

*Hiện tại điều tôi muốn là, Sự thật. Dạy những chàng trai và cô gái không gì khác ngoài Sự thật. Sự thật là thứ duy nhất được mong muốn trong cuộc sống. Không dựa vào bất cứ thứ gì, không rút ra từ bất cứ thứ gì. Bạn chỉ có thể hình thành tâm trí của những động vật có lý trí dựa vào Sự thật.*

- Hiệu trưởng Thomas Gradgring trong *Hard Times* của Charles Dickens<sup>49</sup>.

Trong thế kỷ 19, Gradgring là một bức tranh biếm họa. Tuy nhiên trong một vài thập niên gần đây, chúng tôi nhận ra ông đã đi xa được đến đâu trong việc chỉ ra phương pháp học tập hiệu quả.

Sự phát triển trong nghiên cứu về học tập hiện nay chỉ ra rằng:

### ***Học tập là một quá trình hoạt động xã hội mang tính tích cực***

Các học viên học những kiến thức mới, các nguyên tắc, và khái niệm cho bản thân thông qua hội thoại và giao tiếp với người khác, và thông qua thực nghiệm và những rủi ro có được trong các môi trường an toàn<sup>50</sup>. Quả thật, các học viên chỉ có thể

phát triển các hiểu biết có ý nghĩa thông qua tương tác của họ với người khác, với giáo viên (nếu có thể), và với môi trường học tập của họ.

### ***Động lực là yếu tố quan trọng để học tập hiệu quả***

Nhận thức cấu trúc của học tập sẽ không hoàn thiện nếu bỏ qua yếu tố động lực và cảm xúc<sup>51</sup>. Các cấp độ của động lực và các trạng thái cảm xúc tích cực hoặc tiêu cực có thể là yếu tố quyết định quan trọng của việc học tập hiệu quả.

### ***Các học viên mang tới các kiến thức khác nhau cho thử thách học tập mới***

Các học viên không phải là con tàu trống rỗng đang chờ đợi được lấp đầy bằng những ý tưởng và thực tiễn mới, cho dù những kiến thức trước đó không chính xác hoặc bị thu hẹp. Việc học tập hiệu quả được xây dựng dựa vào điều đó, việc tham gia với nó và giải thích vì sao những kiến thức trước đó có thể sai, và dần dần tiến tới sự hiểu biết mới, từng bước một. Điều này giải thích vì sao quá trình hình thành là rất quan trọng: nhằm thiết lập điều gì học sinh biết, giúp chúng đánh giá sự hiểu biết, và giúp chúng theo dõi sự tiến bộ của mình.

### ***Các học viên đến từ các địa phương khác nhau và theo những lộ trình khác nhau có cùng kết quả học tập***

Không ai có một con đường đi đúng đắn cho việc học, không kích cỡ nào vừa cho tất cả. Học viên có thể thử nhiều lộ

<sup>49</sup> Dickens, C.(1854) “Hard Times”.

<sup>50</sup> Xem Brown, I., Collins, A. và Duguid, P.(1989) Nhận diện tình huống và văn hóa học tập. Nghiên cứu giáo dục. 18(1), trang 32-42; xem Ackerman, E.(1996) “Kết cấu xây dựng trong thực tiễn: Thiết kế, Suy nghĩ

và Học tập trong Thế giới Kỹ thuật số”. New Jersey: Tổ chức Lawrence Earbaum, trang 25-35.

<sup>51</sup> Boekaerts, M.(sắp xuất bản) “Vai trò quan trọng của động lực và cảm xúc trong việc học tập trên lớp”. Trong: OECD/CERI (sắp xuất bản) “Học tập trong Thế kỷ 21”. Paris: OECD/CERI.

trình khác nhau trước khi họ gặt hái được thành quả học tập của mình.

***Để hiệu quả, kiến thức nên được phát hiện như một khối được tích hợp, xác thực***

Thế giới mà ở đó các học viên cần điều hành không xuất hiện dưới hình thức của các đối tượng được phân biệt một cách rõ ràng, nhưng dưới một tổ hợp phức tạp của vô số các sự kiện, vấn đề, kích thích và nhận thức<sup>52</sup>. Kết quả là, kiến thức nên được chia thành các đối tượng hoặc các phần khác nhau, nhưng được phát hiện như một khối được tích hợp<sup>53</sup>.

***Các giai đoạn tối ưu cho các loại hình học tập khác nhau***

Khoa học thần kinh đã thu lượm những hiểu biết mới về việc học tập xảy ra như thế nào để có thể phản ánh thực tiễn giáo dục. Mặc dù rất quan trọng, những nghiên cứu này nên được xem xét cẩn trọng: Có một khoảng cách dài giữa hệ thần kinh và kết quả học tập. Việc ấn định quan hệ nhân quả giống như là dự đoán kết quả kinh tế vĩ mô từ việc chỉ quan sát hành vi kinh tế vi mô<sup>54</sup>.

Khi khoa học thần kinh bác bỏ sự tồn tại của “các thời kì quan trọng” (trong đó đề xuất các cửa sổ cơ hội diễn ra trong

suốt thời gian các can thiệp được cho là hiệu quả nhất nhưng sau đó sẽ bị đóng lại không thể phục hồi), đó là các thời kì quan trọng hoặc nhạy cảm - các thời kỳ có khuynh hướng cho việc học tập, nhưng lại có phạm vi rộng về thời hạn và có thể kéo dài mà không có tổn thất<sup>55</sup>. Đưa ra sự tập trung hiện tại của đầu tư vào những năm đi học, không có gì là ngạc nhiên khi khoảng 50% độ biến thiên về sự bất bình đẳng trong thu nhập đời người ước tính được xác định ở độ tuổi 18<sup>56</sup>.

***Can thiệp khi chúng còn trẻ***

Bởi những can thiệp muộn hơn bị hạn chế để hoạt động trong khuôn khổ được thiết lập bởi những kinh nghiệm trước đó, nghiên cứu đã nhấn mạnh những lợi ích từ các can thiệp giáo dục mầm non chất lượng cao, đặc biệt đối với trẻ em sinh ra trong gia đình nghèo hoặc có hoàn cảnh khó khăn.

Điều quan trọng khi những người tự nhận mình là học viên khi họ còn trẻ, họ nắm vững các kĩ năng cơ bản, như đọc viết, tính toán, kĩ năng thuyết trình, và công nghệ thông tin (ICT) - và họ có sự tự tin để học những kĩ năng hoàn toàn mới. Các kĩ năng cơ bản là nền tảng của việc giảng dạy và học tập trong tương lai và có liên quan mạnh mẽ tới thành công sau này trong cuộc sống. Sự thành thạo của họ đem lại sự tự tin cho học viên để sau đó họ tiếp nhận những chủ đề nâng cao hơn<sup>57</sup>. Vì vậy, chúng ta càng tìm hiểu về chúng, chúng xuất hiện ngày càng quan trọng hơn.

<sup>52</sup> Ackerman, E.(1996) Xây dựng đối tượng và quan điểm: hai chìa khóa cho việc học. Trong: Kafai, Y. và Resnick, M.(Eds) (1996) “Kết cấu xây dựng trong thực tiễn: Thiết kế, Suy nghĩ và Học tập trong Thế giới Kỹ thuật số”. New Jersey: Tổ chức Lawrence Earbaum, trang 25-35.

<sup>53</sup> McMahan, M.(1997) “Cấu trúc xã hội và mạng toàn cầu - Mô hình cho việc học tập”. Working paper. Perth: Đại học Edith Cowan; Di Vesta, F.J.(1987) Giáo dục và Vận động nhận thức. Trong: Glover, J.A. và Ronning, R.R (Eds) (1987) “Nền tảng lịch sử của Tâm lý học giáo dục”. New York: Plenum Press, trang 203 -23.

<sup>54</sup> Với ý nghĩa thú vị của nó, không có gì ngạc nhiên khi khoa học thần kinh đã giành được trí tưởng tượng rộng lớn hơn, mặc dù hiệu quả đôi khi bị nhầm lẫn với giác ngộ, tuyên truyền giáo điều sai lệch và những kì vọng phi thực tế. Xem Bruer, J.(1999) “Chuyện hoang đường của Ba năm đầu”, New York: Free Press

<sup>55</sup> Huttenlocher, P.(2002) “Sự mềm dẻo của hệ thần kinh: các hệ quả tới môi trường trong sự phát triển của vỏ não”. Cambridge, MA: Báo Đại học Havard; xem tại Battro, A., Fischer, K. và Lena, P.(2008) “Trí não giáo dục: Các bài luận về giáo dục thần kinh”. Cambridge: báo Đại học Cambridge.

<sup>56</sup> Cunha, F. và Heckman, J.(2007) “ Sự tiến triển của bất bình đẳng. không đồng nhất và không chắc chắn trong thu nhập lao động trong nền kinh tế Mỹ” NBER Working Press, số 13526, Washington, DC:NBER.

<sup>57</sup> Nhà giáo và Công sự McKinsey Sir Michael Barber đã viết về chủ đề này.

Nghiên cứu gần đây đã chỉ ra các cấp độ đọc viết và tính toán ảnh hưởng tới thu nhập trong cuộc sống sau này độc lập với khả năng nhận thức<sup>58</sup>.

Các chương trình giáo dục mầm non như Chương trình giáo dục mầm non Perry và Dự án Carolina Abecedarian ghi nhận tỷ lệ ước tính của lợi nhuận (lợi nhuận mỗi đô la chi phí) khoảng 10% (cao hơn đáng kể so với lợi nhuận ở Mỹ hậu Chiến tranh thế giới II, cổ phần thị trường chứng khoán 5.8%)<sup>59</sup>. Chương trình Head Start trên toàn nước Mỹ<sup>60</sup> mang lại khoảng 80% lợi ích của các sáng kiến nhưng chỉ mất khoảng 60% chi phí<sup>61</sup>. Tuy nhiên, đáng chú ý, cuộc sống là một cuộc chạy đua chứ không phải chạy nước rút: những lợi ích sẽ biến mất mà không có sự tăng cường bởi các cơ hội học tập chất lượng cao tại cấp tiểu học và trung học.

### ***Già hơn có nghĩa là khôn ngoan hơn***

Tuổi tác chứng kiến sự gia tăng chất trắng trong não, cho phép giao tiếp hiệu quả hơn giữa các khu vực trong bộ não. Vì vậy, bất kỳ sự tổn thất nào trong tính linh hoạt và tốc độ - giải thích, tốc độ suy nghĩ, và sự hình dung không gian đều được

chứng minh là giảm ở những người lớn được giáo dục lành mạnh khi họ ở những năm 20, 30 tuổi - được bù đắp một phần bởi sự gia tăng về chức năng<sup>62</sup>. Bộ não của những người trẻ có thể hấp thụ bất kỳ thông tin nào đến giống như bọt biển, nhưng ít nhiều khó có thể phân biệt được giữa những gì là sự thật tồn tại lâu đời và ngôn ngữ thông tục<sup>63</sup>.

### ***Công nghệ lên não bộ***

Sự gia tăng thời gian của trẻ em dành cho truy cập và sử dụng máy tính làm tăng khả năng rằng môi trường mới này có thể kết nối não của chúng theo những cách khác nhau.

Một bức tranh tích cực không khó để vẽ. Đa dạng hóa nguồn thông tin tham gia vào các giác quan khuyến khích não bộ xử lý đa nhiệm, quét và quá trình nhận thức nhanh hơn<sup>64</sup>. Ngay cả trò chơi video vốn là đối tượng của sự khinh miệt trên các phương tiện truyền thông đại chúng cũng có chất lượng tốt cho giáo dục, chẳng hạn như trình bày các kịch bản, giải quyết vấn đề, hợp tác, và môi giới, cũng như bản chất vui vẻ<sup>65</sup>.

Đáng chú ý, động lực dường như tăng cùng với việc chấp nhận rủi ro ở mức độ trung bình, tuy nhiên, khuynh hướng này có xu hướng rơi rụng khi một nhiệm vụ được coi là giáo dục. Điều đáng lo là thất

<sup>58</sup> Trung tâm Kinh tế và Giáo dục (2007) “ Tóm tắt nghiên cứu CEE02-07: Giá trị của các kỹ năng cơ bản trong Thị trường Lao động Anh” London:CEE

<sup>59</sup> Heckman, J., Malofeeva, L., Pinto, R. and Savelyev, R. (2008) “Hiệu quả của Chương trình giáo dục mầm non Perry tới Kỹ năng nhận thức và phi nhận thức: vượt ra ngoài các hiệu quả điều trị” Bản thảo chưa được xuất bản. Chicago: Bộ phận Kinh tế, Đại học Chicago, xem tại: <http://www.voxeu.org/index.php?q=node/1564>

<sup>60</sup> Head Start là chương trình giáo dục mầm non có ngân sách gần 7 tỷ đôla nhằm thúc đẩy sự sẵn sàng của trường học cho khoảng 900.000 trẻ em ở dưới chuẩn nghèo của liên bang, trợ cấp xã hội hoặc nuôi dưỡng. Chương trình bao gồm 9 tháng học cả ngày hoặc nửa ngày, cung cấp không chỉ giáo dục mầm non mà còn y tế, nhà và chăm sóc sức khỏe tinh thần (bao gồm dinh dưỡng), hỗ trợ và giáo dục sự phát triển trẻ em cho cha mẹ.

<sup>61</sup> Deming, D.(2009). Can thiệp thời thơ ấu và bằng chứng phát triển kỹ năng vòng đời từ Head Start. Báo Kinh tế Mỹ: Kinh tế áp dụng. 2009, 1:3, trang 111 - 134.

<sup>62</sup> Khả năng dựa trên kiến thức tích lũy, như từ vựng và thông tin tổng quát, tiếp tục tăng cho đến 60 tuổi (Salthouse, T.(2009) Khi nào sự suy giảm nhận thức liên quan đến tuổi tác bắt đầu? Sinh học thần kinh của quá trình lão hóa 30(4), trang 507-14

<sup>63</sup> Itonji, J. and Williams, N. (2005). Tiền lương có tăng cùng với thâm niên công tác? Một đánh giá lại. Sự xem xét lại quan hệ Công nghiệp và lao động. 58(tháng tư), trang 370-97, xem Topel, R. (1991) Vốn cụ thể, vốn lưu động và tiền lương: tiền lương tăng cùng thâm niên công tác. Tạp chí Kinh tế chính trị. 99(tháng hai), trang 145-76

<sup>64</sup> Tapscott, D.(2008) “Phát triển kỹ thuật số: Làm thế nào để thế hệ mạng làm thay đổi thế giới của bạn”. New York: McGraw Hill Professional

<sup>65</sup> Gee, J.P. (2007) “Trò chơi video dạy chúng ta như nào về việc học và đọc viết



bại sẽ gây tổn hại lòng tự trọng và địa vị xã hội, sinh viên thường ưu tiên các cấp độ thấp dành cho sự không chắc chắn về học thuật và những vấn đề có đòi hỏi thấp hơn. Điều này cho thấy việc tổ chức các hoạt động học tập giống như các trò chơi với yếu tố cơ hội thuần túy có thể tăng động lực của các học viên và khuyến khích họ khám phá thành tích thực tế có thể đạt được mà không phải lo lắng về hậu quả khi thất bại<sup>66</sup>.

Tuy nhiên, ở đây có sự tế nhị, có lẽ có kích thích nhỏ tốt cho môi trường truyền thông đa phương tiện mới như Facebook và Youtube. Một thế giới của sự vận động vĩnh cửu, một nền văn hóa cắt - và - dán mà ở đó các nguyên tắc mất đi tính toàn vẹn nội bộ khi chúng có sự kết nối mạnh mẽ với tất cả mọi thứ và thông tin vô hình, không khác biệt - những đặc điểm này có thể tập hợp các cơ hội cho trí tưởng tượng và sự phản ánh bền vững<sup>67</sup>.

Những mối quan tâm này, dĩ nhiên, không phải là sự phê phán công nghệ, thay vào đó chúng phản ánh cách thức đặc biệt mà con tàu trống rỗng của công nghệ được lấp đầy.

### **Tầm quan trọng của việc học tập phi chính qui**

Học tập không chỉ giới hạn ở những khu vực dành riêng cho nó như trường học và trường đại học. Một phạm vi rộng lớn đầu vào và các tác động có ảnh hưởng đến quá trình học tập. Một số những tác động này hoạt động ở cấp độ hạt nhân của các gia đình cá thể, một số khác ở cấp độ chung của nền kinh tế, và vẫn còn một số trong cộng đồng và khu phố, cả thực và ảo.

<sup>66</sup> Howard-Jones, P. (2008) Tham gia trò chơi trí tuệ. Times Education Supplement. 15/8/2008. Có tại: <http://www.tes.co.uk/article.aspx?storycode=6000946>

<sup>67</sup> Một bài phê bình tương tự được thực hiện ở Greenfield, S.(2003) “Người dân tương lai: Công nghệ thế kỷ 21 thay đổi cách chúng ta suy nghĩ và cảm nhận như thế nào”. London: Allen Lane

Sinh viên chỉ dành 14% thời gian ở trường<sup>68</sup>. Vì vậy, việc học là một phần vốn có của cuộc sống hàng ngày: một kinh nghiệm mới, tại nhà, tại trường, hoặc trong thời gian giải trí, có thể tạo ra cơ hội, một vấn đề cần giải quyết, hoặc một khả năng của nhà nước được cải thiện trong tương lai<sup>69</sup>.

Nói theo cách của Frank Coffield, việc học phi chính qui giống như “tàng băng trôi” - khối lượng của nó vô cùng to lớn và ấn tượng nhưng bị ẩn khỏi tầm nhìn<sup>70</sup>. Đỉnh của nó có thể quan sát được, tuy nhiên, cho thấy sự tham gia và nhu cầu về việc học phi chính qui là rất cao.

Tại nơi làm việc, ước tính khoảng 70% trong số những người đi làm hiểu công việc của họ, họ học không chính thức từ những người họ cùng làm việc<sup>71</sup>, và mỗi giờ đào tạo chính quy tương đương với bốn giờ học phi chính qui<sup>72</sup>. Sự khao khát học tập phi chính qui có thể được nhìn thấy xa hơn trong sự phổ biến của bảo tàng, sách, truyền hình và phát thanh công cộng, và sự tương tác đơn giản của con người. Ngày nay, sự khao khát học tập phi chính qui là nền tảng cho sự tăng trưởng phi thường của tất cả mọi thứ từ Wikipedia<sup>73</sup> và Rosetta Stone<sup>74</sup> đến Khóa

<sup>68</sup> Bransford, J., Brown, A. và Cocking, R.(Eds) (1999). “Mọi người học như thế nào” Washington, DC: National Academy Press.

<sup>69</sup> Marsick, V. and Watkins, K. (2001). Việc học tập chính thức và ngẫu nhiên. Hướng đi mới cho người trưởng thành và tiếp tục giáo dục. 2001(89), trang 25-34.

<sup>70</sup> Coffield, F.(2000). “Sự cần thiết của việc học tập không chính thức”. Bristol: Tạp chí chính sách.

<sup>71</sup> Dobbs, K. (2000). Những khoảnh khắc đơn giản của việc học. Đào tạo. 35. No.1 (tháng 1/2000), trang 52 - 58

<sup>72</sup> Stamps, D. (1998) Học tập hệ sinh thái. Training. 35, No.1 (tháng 1/1998), trang.32-38.

<sup>73</sup> Wikipedia hiện nay là trang mạng phổ biến thứ 8 trên thế giới, có khoảng 280 triệu người dùng và 300 triệu lượt người xem trang này mỗi tháng, cung cấp 10,7 triệu bài báo bằng 250 ngôn ngữ, và có khoảng 100 biên tập viên chính thức (nhưng chỉ khoảng 22 nhân viên)

đào tạo trí não của Tiến sĩ Kawashima<sup>75</sup> và Khoa học trái đất<sup>76</sup>.

Sự khao khát không chỉ thể hiện mà còn có khả năng xóa nhòa một số vướng mắc tạo ra bởi xu hướng chủ đạo. Những người học phi chính qui có thể thực hiện các hoạt động được tổ chức như họ mong muốn, đầu tư càng nhiều hoặc càng ít thời gian và tiền bạc giống như họ mong muốn, và tích hợp chúng vào cuộc sống khi nó phù hợp nhất với họ. Điều này cho phép những kinh nghiệm thực tiễn, xác thực góp phần vào quá trình thú vị của sự khám phá.

### *Sự bổ sung, không phải sự thay thế*

Người học phi chính qui không thích hợp đối với nhiều hình thức học tập nhất định. Vấn đề như khả năng đọc viết, tính toán đơn giản, do nhiều năm, kể cả sự bỏ bê qua nhiều thập kỉ dài, có thể không có hi vọng để giải quyết với các chương trình đặc biệt kéo dài 20 giờ, chứ không phải 100 hay 150 giờ như đã nói<sup>77</sup>.

Tuy nhiên, Công nghệ ngày càng có thể tự nó thực hiện được những chức năng này. Ví dụ, các trò chơi video với đầy chuyên của các quy tắc và mục tiêu có thể cung cấp một tiến trình các khớp nối và có

trật tự kết hợp với những môi trường học tập truyền thống hơn<sup>78</sup>.

### *Sức mạnh của các bạn đồng môn*

Có vẻ như người bạn biết có tác động tới những gì bạn biết. Tác động của các bạn đồng môn có thể cải thiện kết quả giáo dục thông qua sự sẵn sàng được tăng cao của những bạn đồng môn để hướng dẫn cho người khác, tâm lý cần phải được tổ chức nhận dạng và so sánh thuận lợi, và thông qua quá trình học tập quan sát. Cùng với nhau, những động lực này có nghĩa là tác động của các bạn đồng môn có thể tạo ra ảnh hưởng rất mạnh mẽ<sup>79</sup>. Một nghiên cứu ở Texas cho thấy có sự thay đổi của một điểm trong số điểm đọc hiểu của các bạn đồng môn làm tăng điểm của chính học sinh đó giữa 0,15 và 0,4 điểm<sup>80</sup>.

Nhưng những gì Edmund Burke tổ chức được biết đến rộng rãi là “trung đội nhỏ của gia đình và bạn bè” cũng có mặt tối có thể tái tạo lại và củng cố thêm mặt bất lợi. Đối lập với vòng tròn đạo đức của học tập và củng cố lại, trong việc thiết lập một cách nghèo nàn câu hỏi cho việc nhận diện đôi khi tìm thấy trong một nền văn hóa đối lập, cảm giác “không phải cho chúng ta”, và theo đuổi các hoạt động mạo hiểm - gian lận học thuật, liên quan đến ma túy, quan hệ tình dục vị thành niên, và trốn học<sup>81</sup>.

<sup>74</sup> Rosetta Stone, những người cung cấp khóa học ngôn ngữ, được hưởng lợi từ sự tăng trưởng gần đây về nhu cầu học tập suốt đời. Tăng trưởng hữu cơ đã thấy doanh thu tăng từ 25,4 triệu đôla trong năm 2004 lên tới 209,4 triệu đôla trong năm 2008; 69% CAGR. Đây là ngành công nghiệp học tập ngoại ngữ to lớn, ngày càng tăng trên toàn thế giới - trong năm 2007 người tiêu dùng toàn cầu đã dành cho việc học ngoại ngữ khoảng hơn 83 tỷ đôla.

<sup>75</sup> Chỉ trong vòng 3 năm từ tháng 5/2005, Seri Người đào tạo trí não đã bán được hơn 26 triệu bản copy trên toàn thế giới, đạt doanh thu khoảng hơn 200 triệu đôla.

<sup>76</sup> Xem <http://www.planetscience.com/home.html>

<sup>77</sup> Woolcock, N. (2009) Khả năng đọc viết của người trưởng thành có xu hướng “vô giá trị”, Anna Vignoles. The Times. 3 April 2009. Có tại: [http://www.timesonline.co.uk/tol/life\\_and\\_style/education/article6024931.ece](http://www.timesonline.co.uk/tol/life_and_style/education/article6024931.ece)

<sup>78</sup> Sefton-Green, J. (2004) “Nghiên cứu trong việc học tập không chính thức với công nghệ bên ngoài trường học” Seri Futurelab, Report 7. Bristol: Futurelab.

<sup>79</sup> Goethals, G., Winston, G. và Zimmerman, D. (1999) Sinh viên giáo dục sinh viên: vai trò nổi lên của tác động của các bạn đồng môn. Trong: Devlin, M. and Meyerson, J. (Eds) (2001) “Diễn đàn tương lai: Khám phá tương lai của giáo dục bậc cao” New York: Forum Publishing. trang.25-45.

<sup>80</sup> Hoxby, C.(2000) “Tác động của các bạn đồng môn trong Lớp học: Học từ giới tính và sự đa dạng chủng tộc” NBER Working paper No.7867. Washington, DC:NBER

<sup>81</sup> Carrell, S., Malmstrom, F. và West, J.(2008) Tác động của bạn đồng môn trong việc gian lận học thuật. Journal of Human Resources. 43(1), pp.173-207

Ảnh hưởng của bạn đồng môn không hoạt động bình đẳng và đối xứng qua các đặc điểm và hành vi. Rõ ràng nhất là, chúng khác nhau theo độ tuổi. Nghiên cứu đã chỉ ra mối quan hệ hình chữ U ngược, với các ảnh hưởng ngày càng tăng giữa tuổi thơ và vị thành niên sớm (với gia đình là ảnh hưởng chính trước thời gian này), đạt tới đỉnh điểm vào khoảng 14 tuổi, và suy yếu trong suốt những năm học tại trường cấp 3 và đại học.

### *Sử dụng nghiên cứu để khuyến khích trường việc học*

Những hiểu biết về việc học lý thuyết, khoa học, và khoa học thần kinh nên được thông báo tới tất cả các hệ thống học tập, nhưng hiện tại lại chưa làm được điều này. Phần lớn không thể dễ dàng lồng ghép vào hệ thống hiện tại vì chúng chưa ăn khớp với ranh giới tổ chức hiện tại, với các quy định về chính sách, hoặc những mô tả công việc. Tuy nhiên, nơi những hạn chế này được nói lỏng, đổi mới sẽ xảy ra, và việc học tập sẽ được thực hiện bằng hình thức hoàn toàn mới – với kết quả đáng ngạc nhiên.

## **PHẦN 5. NHỮNG DẤU HIỆU SỚM CỦA XÃ HỘI HỌC TẬP**

Phần lớn không bị giới hạn bởi trang bị của các hệ thống giáo dục chính qui, chúng ta có thể nhìn thấy những ví dụ điển hình của Xã hội học tập trong việc sử dụng công nghệ của xã hội, tại rìa của các hệ thống giáo dục được thiết lập, và trong các môi trường khắc nghiệt của thế giới đang phát triển.

### *Các công nghệ mới chiếu sáng con đường dẫn tới Xã hội học tập*

Các công nghệ mới đang tạo ra những cơ hội học tập không chỉ trong phạm vi nhà trường mà còn trong toàn xã hội – tại nơi làm việc, tại nhà, trong cộng đồng. Các học viên ngày nay hoạt động trong một thế giới rất khác với cách đây 50 năm. Họ sống trong một môi trường có mạng lưới phân mảnh và phức tạp. Việc học vốn trước đây chịu độc quyền bởi các tổ chức giáo dục chính thống lớn mạnh thì nay được phân phối và cung cấp bởi một hệ

thống rộng lớn các nhà cung cấp công lập, tư nhân hoặc phi lợi nhuận<sup>82</sup>.

### *Mạng lưới xã hội và sự hợp tác lớn*

Hiện đã có sự gia tăng được ghi nhận tốt trong việc hợp tác trực tuyến và mạng lưới xã hội đặc biệt (nhưng không cá biệt) giữa giới trẻ<sup>83</sup>.

Đối với các sinh viên, truyền thông và công nghệ trở thành trung tâm trong cuộc sống của họ ngoài trường học. Các trang mạng xã hội và điện thoại di động chiếm ưu thế các kinh nghiệm truyền thông của

<sup>82</sup> Đây không chỉ là những người chơi truyền thông từ các lĩnh vực khác nhau tạo ra các dịch vụ giáo dục – mà họ còn là những người tham gia hoàn toàn mới xuất hiện. Các video tự - giúp đỡ được tổng hợp bởi Wonder How To, Whyville and Expert Village, và trường học cho tất cả đã kết nối các học viên muốn học với những người không bao giờ có suy nghĩ rằng bản thân họ là các nhà giáo dục.

<sup>83</sup> Trong một số cuộc thảo luận về tiến trình này, xem Benkler, Y. (2006). “Sự giàu có của Mạng lưới: Sản phẩm xã hội làm thế nào để biến đổi thị trường và tự do” New Haven: Tạp chí Đại học Yale; or Shirky, C. (2008). “Đến đây mọi người: Sức mạng của tổ chức ngoài các Tổ chức” London: Allen Lane.

họ, bên cạnh các phương tiện truyền thông với nội dung truyền thống như ti vi và máy trò chơi video.

Thanh thiếu niên không mấy quan tâm tới công nghệ của mạng lưới xã hội như vậy. Thay vào đó, chúng được rút ra bởi sự hiện diện của bạn bè và các bạn cùng lớp, và tự do được cung cấp bởi các không gian công cộng không được kiểm duyệt và ngoài tầm kiểm soát của người lớn.

*“Giải trí giáo dục” và “Các trò chơi nghiêm trọng”*

Đồng thời với sự gia tăng của ngành công nghiệp trò chơi video là sự nổi lên của các trò chơi sử dụng công nghệ hình dung và mô phỏng tiên tiến đã đạt được các kết quả giáo dục trực tiếp và gián tiếp. Giá trị của loại hình này là tuyên bố của huyền thoại Xerox PARC John Seely Brown và Douglas Thomas trong bài viết của họ cho Wired, “Bạn chơi Thế giới của Warcraft? Bạn đang được thuê!”:

*Trở thành một trưởng nhóm hiệu quả của Thế giới Warcraft tương đương với một khóa học về khả năng lãnh đạo. Một nhóm là một tập hợp những người chơi cùng đến với nhau để chia sẻ kiến thức, nguồn tài nguyên và nhân lực. Để điều hành một nhóm lớn, trưởng nhóm phải có sự chuyên nghiệp ở nhiều kỹ năng: Thu hút, đánh giá, và tuyển dụng thành viên mới; xây dựng các chương trình học việc; chiến lược phối hợp nhóm; và giải quyết tranh chấp.*

Họ cũng khẳng định rằng học tập phi chính qui này có lẽ có sức mạnh lớn hơn đào tạo chính quy: “Một khi kinh nghiệm trở thành giáo dục một cách rõ ràng, nó sẽ trở thành các kỹ năng được chia ngăn để phát triển và mất đi sức mạnh của nó nhằm

thâm nhập vào các kiểu mẫu hành vi của người chơi và thế giới quan”<sup>84</sup>.

*Một thế giới của nội dung “Tự do”*

Những năm gần đây đã chứng kiến sự gia tăng đáng kể về phần mềm “Tự do - free” và nội dung tự do – cả hai đều được miễn phí và miễn phí cả khi sửa đổi và thông qua. Rõ ràng nhất là sự phát triển của phong trào phần mềm mã nguồn mở, đặc biệt là Linux.

Cùng với điều này là sự xuất hiện của “nội dung do người sử dụng tạo ra” (UGC), thể hiện trong không gian giáo dục không chỉ giữa các học viên mà còn trong việc tạo ra nội dung cho các giáo viên. Các trang web như Yaca Paca! và Promethean Planet cung cấp tư liệu cho giáo viên và học viên mà trong thế giới cũ chỉ được sản xuất bởi các nhà xuất bản thương mại truyền thống.

Phong trào “Truy cập mở” đã tạo ra sức đẩy trong những năm gần đây với các trang như RepEc và Google Scholar đại diện cho những thử thách thật sự đối với các nguồn doanh thu của các nhà xuất bản học thuật. Và các dịch vụ như Flickr, Photosynth, và Wikipedia đối chiếu và tổ chức một lượng lớn các thông tin “tự do” được đưa ra bởi các cá nhân, tạo ra kiến thức và/hoặc tài sản tương đương về giá trị cho những gì được duy trì bởi các nhà cung cấp nguồn – đóng, truyền thống.

***Học các chuyển động công nghệ từ Tự động hóa tới Chuyển đổi***

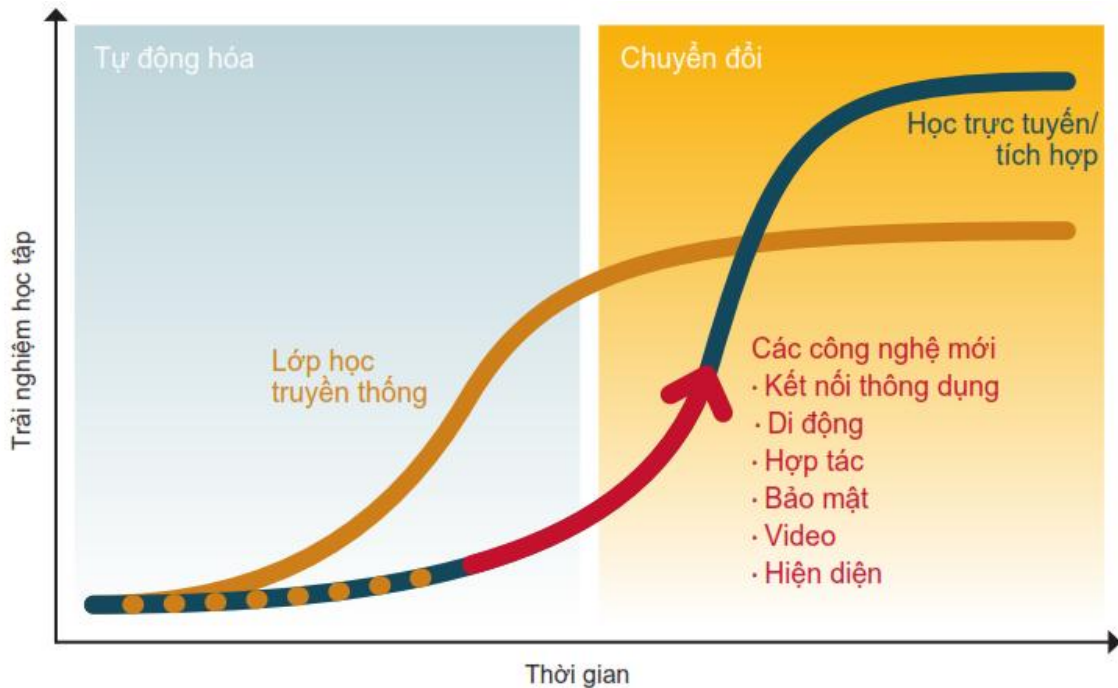
Đến nay, công nghệ đã tạo ra hai đóng góp chính cho hệ thống giáo dục. Đầu tiên (và hầu hết là thành công), nó đã cách mạng hóa quản lý hậu mãi và việc cung cấp thông tin. Thứ hai, nó tạo ra một số tác động tới việc dạy và học, mặc dù điều này

<sup>84</sup> Xem Brown, J. and Thomas, D. (2006). Bạn chơi Thế giới của Warcraft? Bạn đang được thuê!. Wired. 14(4).

chậm hơn và do đó ít thành công hơn so với các nhà truyền giáo đầu tiên trong những năm 90 đã dự đoán. Hiện tại, với lượng truy cập Internet tốc độ cao, toàn cầu và sự có mặt của máy tính nhiều hơn,

những gì đã luôn được hứa hẹn bởi công nghệ giáo dục cuối cùng có thể biến thành hiện thực. Hình 4 thể hiện quá trình chuyển đổi này, và tiềm năng của nó.

Hình 4: Công nghệ là sự trưởng thành (cuối cùng) cho giáo dục



Hội nghị truyền hình tốc độ cao như Cisco TelePresence™ cung cấp một trải nghiệm trong phòng mà không cần phải di chuyển. Các giải pháp sự phạm tiên tiến như Trung tâm đào tạo Cisco WebEx® cho phép tương tác và đánh giá thường xuyên. Các công nghệ hợp tác như WebEx Connect cung cấp một không gian làm việc hợp tác, liên tục, và các tính năng “hiện diện” và cộng đồng cho phép một số các cuộc trò chuyện ngẫu nhiên có thể xảy ra trong thiết lập một lớp học.

Khả năng cải thiện và độ tin cậy của mạng lưới toàn cầu có nghĩa là ngày càng nhiều các tính năng có thể được cung cấp đáng tin cậy hơn cho tất cả các khu vực của thế giới. Các vấn đề còn tồn tại với chi phí, băng thông, và sự hội nhập giữa các dịch vụ, những rào cản kỹ thuật và sự phạm chính đã được khắc phục: Nó chỉ còn là vấn đề của thời gian và sự đầu tư.

Trước đây, công nghệ giúp các hệ thống giáo dục tự động hóa. Giờ đây nó có vẻ như có thể (cuối cùng) giúp các hệ thống giáo dục tái cấu trúc và chuyển đổi. Các nghiên cứu từ khắp nơi trên thế giới đã chỉ ra làm thế nào công nghệ học tập đã giúp các nhà giáo dục tiên phong thích ứng với áp lực không ngừng trong xã hội về các hình thức học tập mới mà các hệ thống giáo dục hiện tại chưa cung cấp<sup>85</sup>.

**Những hình thức tổ chức học tập mới:** Công nghệ đang thay đổi thời gian và địa điểm học tập diễn ra cũng như cách nó được hỗ trợ và tài trợ. Các nhóm mới có thể hình thành xung quanh lợi ích của người học hoặc triết lý giáo dục, hơn là

<sup>85</sup> Phần này được giới thiệu rất nhiều trên Breslin, S., Dykes, G., Goodman, L., Llewellyn-Jones, C., Pearson, W. and Sutch, D. (2009) “Thiết lập cảnh quan hiện tại và tương lai của công nghệ trong giáo dục” Nghiên cứu chưa được công bố của Cisco bởi Futurelab.

khoảng cách, vị trí hay tuổi tác. Ở Indonesia, các công ty địa phương và các trường đại học hàng đầu đã hợp tác với Học viện mạng Cisco (Cisco Networking Academy) để cung cấp Chương trình phục vụ công nghiệp, cung cấp tư vấn chiến lược công nghệ thông tin (ICT) tới các công ty và cung cấp các kinh nghiệm học tập đích thực cho sinh viên.

**Phương pháp sư phạm mới:** Bằng việc xóa bỏ cách học tập từ bối cảnh lớp học và trường học truyền thống, các mô hình mới sử dụng công nghệ đang gia tăng sự tập trung vào việc tham gia và đàm phán hơn là chỉ đạo và hướng dẫn. Các sinh viên thường hành động như người thầy tập sự cung cấp hỗ trợ cho các sinh viên khác và cho cả giáo viên, đem lại cho họ cái nhìn mới về hệ thống giáo dục và sự độc lập hơn như với các học viên. Scotland đã đi tiên trong trong một chương trình trò chơi dựa vào sáng kiến Consolarium của mình, với hiệu ứng tích cực thông qua thành tích, sự tham gia, động lực và sự có mặt của sinh viên.

**Các mối quan hệ mới:** Sự kết nối đang hỗ trợ các mối quan hệ mới giữa học viên với người thầy bên ngoài các bức tường của trường học và lớp học. Giáo dục không còn chỉ là trách nhiệm duy nhất của cha mẹ và giáo viên, mà còn cả của các học viên và một mạng lưới phân phối rộng lớn các hỗ trợ. Nó đã khuyến khích sự hình thành các cộng đồng thực hành mới, bồi dưỡng nâng cao nhận thức và lòng khoan dung về sự đa dạng và các khía cạnh khác nhau, và tạo ra trách nhiệm công dân ngày càng tăng trên quy mô toàn cầu. Ở Ấn Độ, Grameen sử dụng công nghệ lồng tiếng IP (VoIP) đi tiên phong trong Mạng lưới học tập Grameen Peer. Điều này cho phép người sử dụng (trong bối cảnh thuận lợi) học hỏi lẫn nhau khi họ thực hiện Tiến trình thoát khỏi Chỉ số nghèo đói.

**Kết hợp học tập được tích hợp và tinh vi hơn:** Công nghệ cho phép truy cập việc học tập diễn ra bên ngoài các thiết lập lớp học truyền thống, kể cả khi đang ở nhà, trong các cộng đồng địa phương, hoặc trong cộng đồng toàn cầu. Việc học có thể là chính qui hoặc phi chính qui, phản ánh kể cả chương trình giảng dạy tiêu chuẩn hoặc việc học được khởi xướng bằng lợi ích và nhiệt tình của chính các học viên. Ở Vương quốc Anh, NotSchool đã đạt được thành công đáng kể trong việc sử dụng các mô hình pha trộn của học tập để tái hòa nhập các sinh viên bị loại, đạt tỷ lệ thành công 98%.

**Kiểm tra và đánh giá phong phú hơn:** Các mô hình mới của việc đánh giá, bao gồm sự phát triển của các danh mục điện tử và đánh giá thành phần với những phản hồi ngay lập tức, có thể đóng góp cho việc nắm bắt sự phát triển của từng học viên, sự hiểu biết, và hướng đi trong tương lai. Các học viên được đưa ra nhằm kiểm tra nhiều hơn những gì được đánh giá, khi nào và làm thế nào để kết quả được sử dụng.

Gần đây, Cisco, Intel, và Microsoft đã cùng cộng tác với Trường đại học Melbourne và OECD nhằm khởi động ATC21S, một nỗ lực toàn cầu nhằm phát triển các bài kiểm tra và tiêu chuẩn mới cho các kỹ năng của thế kỷ 21. Đan Mạch đang thí điểm sử dụng máy tính vào việc kiểm tra, đánh giá việc sử dụng kiến thức chứ không đơn giản là khả năng ghi nhớ lại các kiến thức của riêng mình.

**Dữ liệu ở mọi cấp độ:** Đột phá trong công nghệ cho phép tiến trình học tập của sinh viên được giáo viên, giảng viên, phụ huynh, nhà trường và trường đại học đo đếm và phân tích cẩn thận để đưa ra các quyết định tốt hơn. Việc học tập có thể được cá nhân hóa và nhắm tới mục tiêu tài trợ cho những đổi mới có tác động tối đa. Ở thành phố New York, Báo cáo thành tích và Hệ thống đổi mới (ARIS) theo dõi

tiến trình của sinh viên một cách chi tiết. Ở cấp độ quốc tế, bài kiểm tra OECD PISA và kết quả của chúng bắt đầu hướng các quyết định giáo dục tới tất cả các cấp của Chính phủ.

*Công nghệ giáo dục không nhất thiết phải là công nghệ cao*

Đổi mới trong giáo dục không nhất thiết đòi hỏi các giải pháp công nghệ cao và phức tạp. Đổi mới thông thường là về quan điểm đầu óc hoặc văn hóa. Rất nhiều các dự án thành công và có tầm ảnh hưởng nhất sử dụng các công nghệ hiện có và dễ dàng tiếp cận vốn là một phần quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày của các học viên – mạng xã hội, trò chơi, và các diễn đàn thảo luận. Sử dụng công nghệ quen thuộc có thể có những lợi ích đặc biệt cho những học viên có lẽ không xuất sắc trong các thiết lập lớp học truyền thống. Công nghệ đơn giản khi sử dụng và dễ hiểu cũng có thể giúp giáo viên có sự tự tin để tích hợp chúng vào thực tiễn giảng dạy theo những cách sáng tạo.

*Xã hội học tập mới nổi từ các Môi trường khắc nghiệt*

Nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng, các hệ thống trường học truyền thống tại các nước phát triển được mở rộng. Chúng được bổ sung bằng các cấp độ không đồng đều của cộng đồng và giáo dục người thành niên, cũng như bằng việc hỗ trợ học tập chính thức. Tuy nhiên, các lĩnh vực này thường không có nguồn lực và dễ đổ vỡ. Nói chung, chúng có các liên kết yếu với hệ thống trường học chính thống. Điều này không gây ngạc nhiên. Chúng ta đã biết từ các tài liệu đổi mới rằng các đổi mới mang tính đột phá thường bị gạt ra ngoài lề hoặc bị xóa bỏ bởi hệ thống chiếm ưu thế. Đối với việc chứng minh Xã hội học tập – chúng ta buộc phải tìm ở nơi khác – trong các môi trường khắc nghiệt và tại bên lề của các hệ thống đang tồn tại. Nếu chúng ta làm được điều này, chúng ta

có thể sẵn sàng nhìn thấy những khía cạnh nổi lên của Xã hội học tập trong thực tế tại cả các nước đã và đang phát triển.

*Học từ sự khắc nghiệt*<sup>86</sup>

Các ví dụ về đổi mới giáo dục từ các môi trường kinh tế và xã hội nhiều thách thức nhất thế giới mang ngụ ý về một số lợi ích cho sự thiếu các hành trang giáo dục. Vì vậy, bằng cách “tước đoạt” các cam bẫy của thành công giáo dục trong thế kỉ 20, các nhà đổi mới giáo dục cực đoan đã phát triển các bài học cho hệ thống chính ở những nơi khác. Dựa trên một hệ thống phụ thuộc vào sự sống còn của chính nó trong công cụ đổi mới vĩnh viễn, họ đang đặt ra những tầm nhìn mới cho việc học và đưa chúng vào thực tiễn, thông thường với ảnh hưởng bất ngờ.

Từ những nỗ lực truyền cảm hứng, một số bài học xuất phát từ:

*Đổi mới liên tục và chấp nhận các nhà cung cấp mới*

Không bị giới hạn bởi các ranh giới truyền thống và đối mặt với các áp lực cực đoan nơi mà lựa chọn thường giữa giáo dục thông thường hoặc không giáo dục, các trường học tại các môi trường thử thách phải đổi mới liên tục, đưa ra các ý tưởng từ tất cả các khía cạnh, lựa chọn và phát triển nhanh chóng chúng để có thể đạt hiệu quả nhất.

Tại các khu ổ chuột ở Hyderabad, Quận Ga ở Ghana, Mukuru ở Nairobi, các trường tư nhân nhiều hơn trường công. Tính đến 2004, trung Quốc được dự đoán có hơn 78.500 trường và các tổ chức giáo dục tư nhân (ngoại trừ các tổ chức đào tạo dạy nghề) với 17,7 triệu sinh viên đăng

---

<sup>86</sup> Phần này được viết từ Leadbeater, C. and Wong, A. (2010) “Học từ những khắc nghiệt” San Jose: Cisc

ký<sup>87</sup>. Và việc cung cấp giáo dục đường như đạt kết quả tốt:

Ví dụ, ở Hyderabad, điểm số toán học thường khoảng cao hơn 22 % hoặc 23% tương ứng tại các trường học tư nhân được công nhận và không công nhận so với các trường công lập. Ưu thế thậm chí còn rõ rệt hơn cho môn Tiếng Anh. Ở tất cả các trường học, ưu thế thành tích này thu được ở một nửa và ¼ mức lương của giáo viên<sup>88</sup>.

Lĩnh vực kinh doanh xã hội cũng là một yếu tố quan trọng cho các hệ thống trường công lập, cung cấp các ý tưởng và thách thức mới, và bổ sung cho điểm yếu của chính nó.

### ***Tách học tập khỏi nhà trường***

Nếu không có các công trình trường học, các nhà giáo dục buộc phải đổi mới. Nhưng giáo dục hoạt động tốt nhất khi nó được kết nối và xây dựng dựa trên các sáng kiến khác, như các vấn đề cộng đồng hoặc y tế. Trung tâm Muruku được điều hành bởi Các Nữ tu bác ái ở một trong những khu ổ chuột khét tiếng nhất ở Nairobi, giáo dục trong một môi trường cộng đồng và liên kết học tập để tạo ra cơ hội, như việc làm và các kỹ năng cần thiết bởi một cộng đồng rộng lớn hơn. Ở Pune, Ấn Độ, Trường Doorstep dạy học ở nơi có sinh viên, ngay cả khi đó là một trong 5000 công trình xây dựng của thành phố.

### ***Thúc đẩy việc học hơn là thúc đẩy giáo viên***

Nơi không có nhu cầu giáo dục là một vấn đề nghiêm trọng và có rất nhiều áp lực

cạnh tranh trong cuộc sống của sinh viên, giáo dục phải là thứ gì đó thúc đẩy con người. Điều này có nghĩa bắt đầu với sự tập trung truyền cảm hứng cho học viên, và kết nối với phần còn lại trong cuộc sống của họ. Nhưng sau đó những nhà giáo dục xuất sắc nhất cung cấp các kỹ năng và nội dung thông qua và xung quanh nó. Ở Brazil, Viện Ayrton Senna gây quỹ cho các chương trình thu hút sinh viên có quan tâm đến thể thao, khiêu vũ và nghệ thuật. Ở những nơi khác tại Brazil, trung tâm văn hóa cộng đồng và phát triển đã phát minh ra hơn 2000 trò chơi học tập trong đó khoảng 200 trò chơi đang được sử dụng thường xuyên tại các trường ở Minas Gerais.

### ***Học tập đích thực, liên quan đến bối cảnh***

Thu hút và giữ vững sự chú ý của học viên có nghĩa thu hút họ với các vấn đề liên quan mà có ảnh hưởng tới môi trường của họ. Ở trường Trung học kỹ thuật Yachana, học sinh ở Amazon học các kỹ năng thích hợp để sống trong rừng, tập trung vào sự phát triển bền vững. Ở Ấn Độ, trường Cao đẳng Barefoot tập trung vào việc triển khai kiến thức để cung cấp cho cộng đồng với việc tiếp cận nước sạch và nguồn năng lượng sẵn có.

### ***Học viên và phụ huynh như là những người đóng góp***

Các giáo viên giỏi có thể giúp xây dựng động lực và cam kết học tập. Nhưng để đáp ứng số lượng ít ỏi các giáo viên có trình độ, phát triển học sinh thành người hướng dẫn và tập sự là giáo viên trở thành phần không thể thiếu của hệ thống giáo dục bền vững. Ở Ấn Độ, Baliyothi và Pratham bao gồm cả các giáo viên phi truyền thống. Baliyothi là một tổ hợp các trường được điều hành bởi các cộng đồng của họ, và Pratham đào tạo, tin tưởng, và triển khai một đội quân gồm các giáo viên được huy động từ khắp cộng đồng. Ở Nam

<sup>87</sup> Dahlman, C., Zeng, Z. and Wang, S. (2007) “Tăng cường năng lực cạnh tranh thông qua Học tập suốt đời ở Trung Quốc”. Washington DC: World Bank.

<sup>88</sup> Tooley, J. and Dixon, P. (2005) “Giáo dục tư nhân là tốt cho người nghèo: Nghiên cứu các trường học tư nhân phục vụ người nghèo ở các nước có thu nhập thấp” Washington DC: Cato Institute.



Phi, Bulgado Edutrade có các sinh viên giảng dạy lẫn nhau, xây dựng trên kiến thức và mức độ học tập.

**Đầu tư vào đổi mới**<sup>89</sup>

Trong *học tập từ sự khắc nghiệt*, Leadbeater và Wong nhận diện con đường mới của suy nghĩ về đầu tư cho đổi mới giáo dục. Họ phân chia thế giới giáo dục dựa theo hai trục: Giáo dục chính qui/phi chính qui, Đổi mới Duy trì/đột phá.

Hình 5: Hệ thống đổi mới: Nâng cấp, Bổ sung, Tái sáng chế, và Chuyên đổi

	Học tập chính quy	Học tập phi chính quy
Đổi mới duy trì	NÂNG CẤP	BỔ SUNG
Đổi mới đột phá	TÁI SÁNG CHẾ	CHUYÊN ĐỔI

Để quản lý đổi mới hiệu quả, các hệ thống giáo dục cần phải mở rộng đầu tư một cách thông minh giữa bốn lĩnh vực này. Hiện tại, các hệ thống có xu hướng đầu tư quá mức “Nâng cấp” và dưới mức đầu tư đối với những lĩnh vực còn lại.

Để đáp ứng những thách thức của Xã hội học tập, các nhà lãnh đạo giáo dục cần phải đầu tư vào một danh mục các đổi mới, và đặc biệt đối với những danh mục có khả năng “Chuyên đổi” tương lai của học tập.

**Tạo ra tầm nhìn xa hơn**

Đổi mới có thể được tìm thấy trong các môi trường khắc nghiệt, đổi mới trực tuyến mà chúng tôi cho là tự nhiên trong xã hội rộng lớn, và những phát triển gần đây về công nghệ học tập đã đưa chúng ta cái nhìn sâu sắc hơn về cái gọi là Xã hội học tập. Chúng giúp chúng ta tưởng tượng con đường mới mẽ để sắp xếp và suy nghĩ về việc học có thể như thế nào, và trên hết chúng cho ta biết Xã hội học tập là có thể. Bằng phần còn lại rộng lớn bị cô lập của sự đổi mới, chúng cũng chỉ ra hệ thống đổi mới hiện tại là không công bằng trong nhiệm vụ sáng tạo ra Xã hội học tập hoạt động vì tất cả mọi người. Các hệ thống giáo dục ngăn chặn sự thay thế cho mô hình chủ đạo của giáo dục từ sự hưng thịnh và thu hút một lượng lớn đầu tư vào nghiên cứu và phát triển trong việc duy trì các mô hình hiện có, các hệ thống này sẽ không bao giờ có khả năng phát triển và hỗ trợ cho sự đổi mới nhằm đáp ứng nhu cầu của học viên trong tương lai.

<sup>89</sup> Phần này được rút ra từ Leadbeater, C. and Wong, A. (2010) “Học tập từ sự khắc nghiệt” San Jose: Cisco.

## PHẦN 6. XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP

*Chúng ta đã cố gắng “Nhiều hơn” và “Tốt hơn”: Đây là thời gian cho “Sự khác biệt”*

Các nền kinh tế công nghiệp dựa trên nền tảng các nguyên tắc của sản xuất hàng loạt có nhu cầu lớn về con người với nền giáo dục căn bản, và số lượng ít các chuyên gia với các kỹ năng chuyên sâu. Ngày nay, phân phối sản phẩm theo hướng đại chúng và chuyên môn hóa linh hoạt đòi hỏi một hình thái mới của giáo dục và hình thức mới của học tập. Đáp ứng những thách thức này có nghĩa là xem xét lại vai trò của từng phần trong xã hội chúng ta – doanh nghiệp, chính phủ, các hộ gia đình, và xã hội dân sự - cũng như tái định hình các hệ thống giáo dục chính thống của chúng ta. Nhằm đáp ứng nhu cầu toàn cầu mới của việc học, các cách chúng ta thường tổ chức việc học sẽ thay đổi đáng kể. Một số quốc gia hiện nay đang trong giai đoạn nhiều hơn - đơn giản là cung cấp nhiều hơn các trường học, lớp học và giáo viên. Với những làn sóng mới về các tiêu chuẩn và cải cách về trách nhiệm, nhiều quốc gia đã đạt được những giai đoạn **tốt hơn** - của việc điều hành hiệu quả hơn trường học và đại học, xác định những phần quan trọng nhất và đánh bóng và thay thế chúng.

Hiện tại, đây là thời gian cho **sự khác biệt**.

Việc học nên được tổ chức dựa trên một tập hợp hoàn toàn khác nhau các nguyên tắc từ những gì mà chúng ta được kế thừa. Chúng tôi gọi đó là *Xã hội học tập*.

### ***Chín nguyên tắc của xã hội học tập***

Các nguyên tắc đặc trưng cho Xã hội học tập phản ánh các nhu cầu của thế kỷ

21, bởi những cải tiến mới tại các rìa dẫn đầu, và những gì chúng ta biết về cách việc học diễn ra. Kết quả là các thiết lập sau này của các nguyên tắc được thiết kế để đáp ứng các nhu cầu mới của xã hội cho việc học và nhận ra tiềm năng học tập của mỗi phần của xã hội và từng phần của thế giới.

### *Xã hội học tập:*

1. Khuyến khích nột nền văn hóa học tập suốt đời.

2. Mục đích phát triển các học viên năng động, sẵn sàng tham gia, những người đã được chuẩn bị sẵn sàng để chinh phục những gì không lường trước được.

3. Đưa việc học tới các học viên, để nhận thấy học tập là một hoạt động, không phải là một địa điểm.

4. Tin tưởng rằng học tập là cho tất cả mọi người, không trừ một ai.

5. Nhận ra rằng mọi người học tập theo các cách khác nhau, và phấn đấu để đáp ứng các nhu cầu đó.

6. Trau dồi và bao gồm các nhà cung cấp dịch vụ học tập mới, từ các khu vực công lập, tư nhân, và các tổ chức phi lợi nhuận.

7. Phát triển các mối quan hệ mới và mạng lưới mới giữa các học viên, các nhà cung cấp (cũ và mới), các nhà tài trợ và các nhà sáng tạo.

8. Cung cấp cơ sở hạ tầng toàn cầu họ cần có để thành công - vẫn mang tính thực tế vật chất nhưng ngày càng ảo.

9. Hỗ trợ các hệ thống của sự đổi mới liên tục và thông tin phản hồi để phát triển

kiến thức về hoạt động trong từng trường hợp.

### ***Vai trò mới của những người tham gia hiện tại***

*Chính phủ: Người điều chỉnh Xã hội học tập*

Chính phủ có lẽ đóng vai trò quan trọng nhất trong việc cho phép sự xuất hiện của Xã hội học tập. Vì lý do này, họ buộc phải quay trở lại và đánh giá lại vai trò của mình.

Thay đổi quan trọng đối với Chính phủ là một trong những suy nghĩ: Từ việc điều hành giáo dục tới việc tạo điều kiện học tập, bao gồm việc học tập của học sinh, các nhà giáo dục, và hầu hết các hệ thống học tập. Điều này có nghĩa là công nhận học tập đã vượt ra ngoài bức tường của trường học và tiếp tục thực hiện tốt sau khi kết thúc việc học tập bắt buộc.

Trong việc trở lại từ một nhà cung cấp gần như độc quyền về giáo dục, Chính phủ cần phải tập trung vào sáu vai trò nhằm duy trì về cơ bản lợi ích cộng đồng:

- Triệu tập liên minh mới và khác thường nếu cần thiết cho việc điều hành Xã hội học tập.

- Kết nối các mục tiêu và các kết quả có giá trị cho Xã hội học tập, và đóng vai trò là người bảo vệ chúng.

- Đánh giá các mục tiêu được đáp ứng.

- Giúp đỡ để đan xen các hệ thống với nhau, giống như việc học được phân phối giữa các tổ chức và thông qua các cộng đồng; cung cấp khuôn khổ khái niệm hết sức quan trọng đối với những gì đạt được.

- Bảo vệ và củng cố lợi ích của người nghèo và những người ít có khả năng tham gia vào Xã hội học tập.

- Bao gồm các nhà cung cấp phi truyền thống và sử dụng các quy định, bãi bỏ quy định, và tài trợ kinh phí để thúc đẩy đổi mới đột phá.

*Các hệ thống giáo dục đang tồn tại: Chuyển đổi sang Giáo dục 3.0*

Đối với các hệ thống giáo dục đang tồn tại, Xã hội học tập giữ lời hứa có giá trị. Nó cung cấp các kết quả cải thiện cho nhiều người hơn với nguồn tài nguyên ít hơn. Nó cung cấp cho giáo viên cơ hội tập trung hoàn toàn vào việc giảng dạy, và những người chịu trách nhiệm quản lý hành chính trở thành các nhà quản lý điều hành dữ liệu hiệu quả.

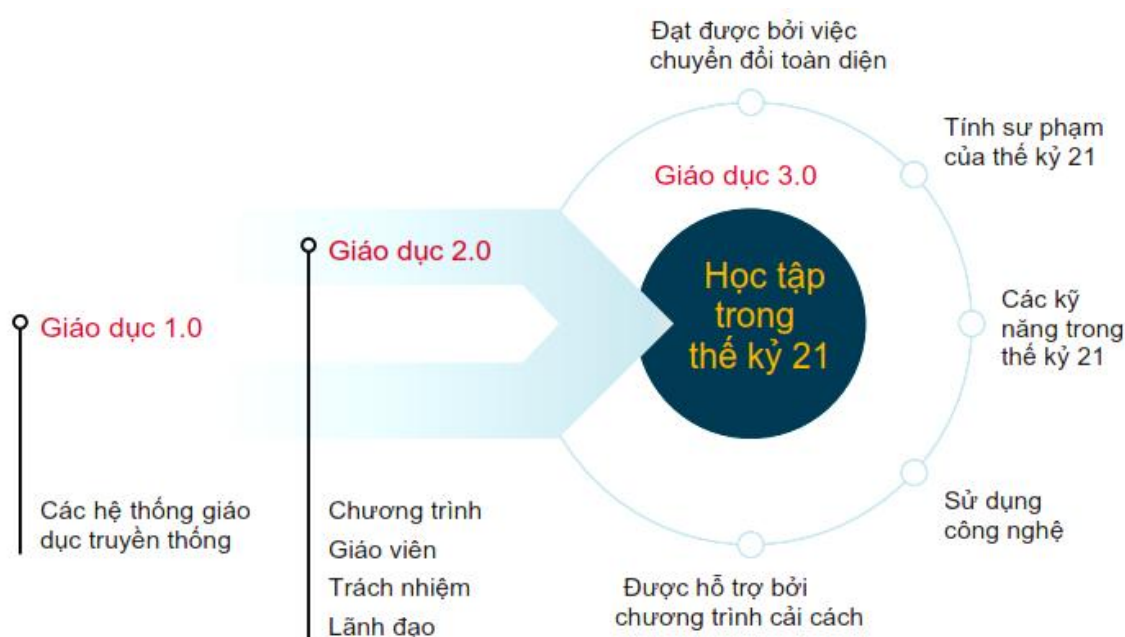
Đối với các hệ thống được thiết lập, Lộ trình Giáo dục Cisco 3.0 cung cấp hướng dẫn các bước hướng dẫn cho những đặc điểm của một hệ thống trường học thế kỉ 21<sup>90</sup>. Hình 6 thể hiện mục tiêu này.

*Theo cách nói của công nghệ, Giáo dục 1.0 đại diện cho giáo dục trong suốt phần lớn thế kỉ 20, được đặc trưng bởi thách thức về chất lượng và cách truy cập, thực hành và các tiêu chuẩn có thể thay đổi, và quản lý thành tích một cách hạn chế. Trong giai đoạn Giáo dục 2.0, cải cách hệ thống được thiết kế để chuyên nghiệp hóa các quy trình và thiết lập các tiêu chuẩn. Giáo dục 3.0 là mô hình mới nổi của việc học tập thế kỉ 21. Nó được xây dựng dựa trên cải cách hệ thống của Giáo dục 2.0 và các cơ hội giành bởi Web 2.0 nhằm trang bị cho học viên các kỹ năng mới bằng việc giới thiệu phương pháp sư phạm mới.<sup>91</sup>*

<sup>90</sup> Để chi tiết hơn, xem Cisco (2008) “trang bị cho mỗi học viên bước vào thế kỉ 21”. San Jose: Cisco.

<sup>91</sup> Cisco (2008) “trang bị cho mỗi học viên bước vào thế kỉ 21”. San Jose: Cisco

Hình 6: Từ giáo dục 1.0 tới giáo dục 3.0



Trong tất cả các hệ thống, các tổ chức giáo dục cần phải nhìn thấy chính bản thân họ có mối quan hệ lâu dài với từng học viên. Họ cần phải suy nghĩ xa hơn về giới hạn tuổi mà họ hoạt động và xem xét các cơ sở trường học như một pháp nhân đa chức năng, có lẽ thích hợp cho trẻ em trong ngày và người lớn vào buổi tối. Các tòa nhà cần được thiết kế với điều này trong tâm trí, với những chú ý đặc biệt vào cả các hệ thống hiện thực và hệ thống ảo.

*Giáo dục đại học: Hướng đến mở rộng để giữ vai trò đầy đủ trong Xã hội học tập*

Theo truyền thống, các tổ chức giáo dục đại học (HEIs) cung cấp hình thái cao cấp hơn của đào tạo lực lượng lao động và đóng góp trực tiếp vào nền giáo dục thông qua nghiên cứu và đào tạo giáo viên trong tương lai. Các trường đại học đóng góp nhiều vào sự phát triển kinh tế, bằng cách làm việc với nền công nghiệp để thực hiện đổi mới. Như vậy, họ có vai trò cơ bản, có tiềm năng trong việc xây dựng Xã hội học tập.

Tuy nhiên, để đạt được đầy đủ tiềm năng và đáp ứng nhu cầu của Xã hội học

tập xung quanh họ, HEIs cần phải cải thiện cách tiếp cận và chất lượng của mình, và chủ động mở rộng ra bên ngoài khuôn viên trường học tới các khu vực tư nhân và cộng đồng địa phương. HEIs nên nắm lấy vai trò của mình như một trụ cột của Xã hội học tập, phối hợp chặt chẽ với các công ty và mở các cơ sở cho các học viên học tập suốt đời.

*Đổi mới quản lý hiệu quả*

Chuyển sang Xã hội học tập sẽ đòi hỏi một quá trình liên tục đổi mới. Giống như các nhà cung cấp đương nhiệm trong hệ thống hiện tại, các trường học và đại học không chỉ cần tìm kiếm để thực hiện đổi mới mà còn phải học để trở thành “những người bảo trợ tốt”.

Đổi mới sẽ rất nguy hiểm và liên quan tới những người chấp nhận rủi ro cá nhân và rủi ro thương mại. Lời phàn nàn chung từ các nhà đổi mới xã hội là khi họ thành công, chính phủ có thể dễ dàng áp dụng đổi mới mà không có tặng thưởng cho

những người khởi xướng (hoặc tệ hơn, đặt họ ra ngoài công việc)<sup>92</sup>.

Giống như những người áp dụng ý tưởng mới, cả chính phủ và trường học phải chịu trách nhiệm thiết lập một hệ thống cho phép truy cập việc học và đánh giá thành công, và vấn đề liên kết điều này với việc đổi mới được tài trợ như thế nào.

### ***Vai trò mới của những người chơi mới***

Xây dựng Xã hội học tập là một nỗ lực toàn xã hội. Nó đòi hỏi sự tham gia đầy đủ từ mọi lĩnh vực, vượt xa những nỗ lực bị chia rẽ của cộng đồng, người lớn và các tổ chức giáo dục hiện đang tồn tại.

**Các nhà đổi mới xã hội**, không bị ràng buộc bởi bộ máy quan liêu của nhà nước và được giúp đỡ trong khuôn khổ vốn đầu tư và hỗ trợ của Chính phủ, khu vực tư nhân, và các nhà đầu tư xã hội, nên thực hiện thông qua, xung quanh và vượt ra ngoài hệ thống giáo dục hiện tại, tiên phong cho các mô hình mới của việc học tập chính qui và phi chính qui.

**Khu vực tư nhân** có vai trò mới tại trung tâm của Xã hội học tập. Giống như các nhà sử dụng lao động, họ nên hỗ trợ người lao động nào muốn có thời gian để tham gia bất kỳ hoạt động học tập nào, và đầu tư vào tương lai của đội ngũ nhân viên của mình thông qua đào tạo cụ thể trong công việc. Họ phải tài trợ cho học tập chính qui và phi chính qui hơn bao giờ hết. Các doanh nghiệp phải mang sự tác với các trường đại học và đào tạo của doanh nghiệp vào xu hướng giáo dục, đáp ứng yêu cầu chất lượng với những đánh giá quốc gia, quốc tế và kiểm định đạt chuẩn.

**Các nhà đầu tư xã hội** có vai trò quan trọng trong việc cung cấp vốn hạt giống

<sup>92</sup> Mulgan, G. (2007) “Sẵn sàng hay không?” London: NESTA.

cho các nhà đổi mới trong Xã hội học tập. Họ phải đảm nhận những rủi ro cao mà Chính phủ không có sự chuẩn bị để đảm nhận. Một phần của điều này cũng chính là nghiên cứu được đưa vào và đánh giá phát triển nền tảng kiến thức lựa chọn hoạt động ra sao và vì sao. Thông thường, chúng sẽ hoạt động như một nhà môi giới quan trọng – tập hợp các khu vực công, tư nhân và bên thứ ba.

**Các nhà cung cấp dịch vụ học tập phi chính qui và các tổ chức văn hóa** phải đan xen dịch vụ của họ trong một khuôn khổ tổng thể chung, liên kết với chương trình giảng dạy và cung cấp các bước hướng tới thành tích được ghi nhận. Ở Anh, dự án trực tuyến của Bảo tàng quốc gia đã liên kết với Creative Pathways cho Chương trình giảng dạy quốc gia, thể hiện bước đầu tiên theo định hướng này.

Đối với học viên thì sao? **Các học viên** là trung tâm của Xã hội học tập. Nó sẽ được thực hiện bởi nhu cầu của các học viên, và được định hình bởi tài sản của họ. Các học viên cần trở thành cái mà các nhà đổi mới gọi là “thị trường dẫn đầu” – các nhà áp dụng sớm các dịch vụ đổi mới, thường đặt nhu cầu không thường xuyên và không lý giải được lên các nhà cung cấp của mình<sup>93</sup>.

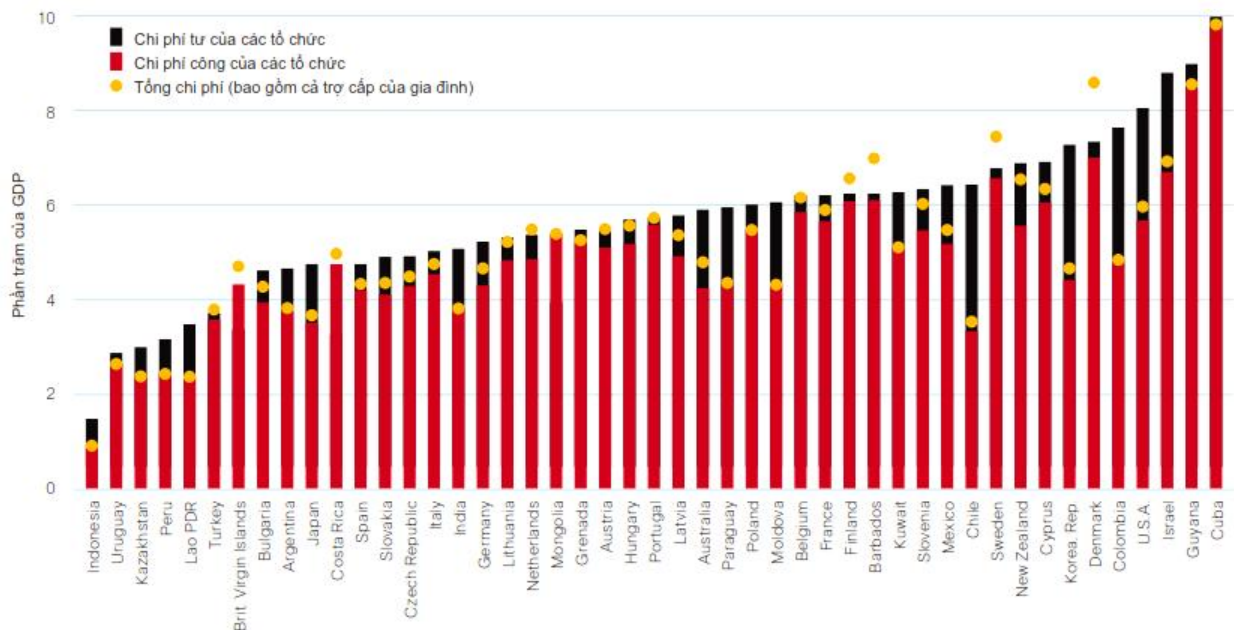
### ***Tài trợ cho Xã hội học tập***

Nhiều nước phát triển dành từ 6 đến 8% GDP của họ để hỗ trợ các tổ chức giáo dục (xem hình 7)<sup>94</sup>.

<sup>93</sup> Georghiou, L. (2007) “Đổi mới nhu cầu: Thị trường dẫn đầu, đổi mới và mua sắm công” London: NESTA.

<sup>94</sup> UNESCO (2007) “Thông tin tóm tắt 04: Xã hội đầu tư cho giáo dục như thế nào? Chi tiêu công lập so với chi tiêu tư nhân”. Montreal: UNESCO Institute for Statistics.

Hình 7: Chi phí công và tư cho các tổ chức giáo dục, 2005



Nguồn: Cơ sở dữ liệu thống kê của Viện UNESCO

Các tổ chức có hiệu quả hơn và sự giới thiệu các công nghệ mới sẽ làm giảm chi phí hiện tại của việc học tập. Tuy nhiên, yêu cầu toàn cầu của học tập sẽ đòi hỏi gia tăng chi phí tổng thể. Theo truyền thống, Nhà nước có trách nhiệm chi trả phần nhiều nhất cho giáo dục thay mặt cho cả ba (công lập, tư nhân và các bên thứ ba). Điều này cần phải thay đổi. Các chi phí mới này cần phải trải đều cho những người hưởng lợi chính: các cá nhân, doanh nghiệp và xã hội.

Tuy nhiên, giải pháp tài trợ chính thay đổi theo độ tuổi, loại hình giáo dục và khả năng chi trả. Tại giai đoạn sớm nhất, giai đoạn có lợi nhất của giáo dục, những lợi ích này cũng ở xa nhất và có độ khuyếch tán nhất<sup>95</sup>. Ở đây, nhà nước có thể sẽ duy trì là nhà tài trợ lớn nhất, có khả năng chuyển tiền từ các nơi khác trong hệ thống giáo dục. Điều này không có nghĩa là nhà

nước sẽ điều hành giáo dục, nhưng chỉ khi nó cung cấp tài chính theo các cách thức mới để hỗ trợ các nhà đổi mới.

Ở các giai đoạn sau, lợi ích thấp hơn, rõ ràng hơn, cá nhân hơn, và ngay tức thì hơn. Ví dụ, trong hình thức đơn giản, nơi đào tạo kỹ thuật và công việc cụ thể, người sử dụng lao động nên thanh toán hóa đơn. Nơi kỹ thuật có liên quan nhiều tới nghề nghiệp, các học viên nên trả một khoản lớn hơn. Hệ thống cho vay được cải thiện và thậm chí các hợp đồng nguồn lao động nên được xem xét như cách để mở hệ thống tài trợ<sup>96</sup>. Khi việc học là để khắc phục hậu quả hoặc liên quan đến thay đổi kinh tế và xã hội, Nhà nước cần can thiệp để đảm bảo hầu như toàn bộ lợi ích xã hội.

<sup>95</sup> Trong một cuộc thảo luận về lợi nhuận xã hội và tư nhân đối với các loại hình khác nhau của giáo dục, xem Psacharopoulos, G. and Patrinos, H. (2002) "Lợi nhuận cho Đầu tư trong giáo dục: tiếp tục cập nhật" Nghiên cứu chính sách của Ngân hàng Thế giới 2881. Washington DC: World Bank.

<sup>96</sup> Xem Kết nối các Chiến lược tài trợ với Tài sản quốc gia ở Santiago, P., Tremblay, K., Basri, E. and Arnal, E. (2008) "Giáo dục đại học cho Xã hội tri thức quyển 1: Các tính năng đặc biệt: Quản trị, Tài chính, Chất lượng" Paris: OECD.

## ***Kiến nghị***

Đã từ rất lâu, chúng ta đã xem xét việc học trong sự cô lập. Ở hầu hết các nước, “Giáo dục” là một nhánh độc lập của chính sách Chính phủ, và việc học là một hoạt động tách biệt khỏi cuộc sống hàng ngày của chúng ta. Xây dựng Xã hội học tập có nghĩa là tập hợp một liên minh mới có thể thực hiện các đổi mới từ tất cả các lĩnh vực của xã hội vì lợi ích của học viên. Điều này cần phải huy động các cấu trúc mới, các cách tiếp cận mới, và công nghệ mới để cung cấp sự cân bằng các kỹ năng mới cho dân số học tập suốt đời.

Vì vậy, chúng tôi đưa ra các kiến nghị sau:

1. Xã hội học tập cần có sự quản lý mạnh mẽ từ liên minh mới của các chính phủ, doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ và các nhà đầu tư xã hội, những người cùng nhau mang lại tính hợp pháp, sự đổi mới, và các nguồn lực có thể làm cho nó trở thành hiện thực. Các thành viên của phong trào này sẽ thay đổi, nhưng nó phải cung cấp một trình bày rõ ràng về mục đích, mục tiêu tổng thể, và mở cho một nhóm ngày càng rộng hơn các nhà hỗ trợ, các nhà đổi mới, và các nhà tài trợ.

2. Xã hội học tập cần một hỗn hợp các nhà cung cấp dịch vụ học tập – công lập, tư nhân, các tổ chức thứ ba và các cá nhân có khả năng cung cấp nội dung, các cơ hội học tập, và hướng dẫn cho các học viên ở mọi độ tuổi. Để thực hiện đổi mới, Xã hội học tập phải tích cực khuyến khích các thành viên mới và không cho phép chế độ độc quyền tồn tại.

3. Các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông (được hỗ trợ bởi Nhà nước) phải đảm bảo quyền truy cập một cơ sở hạ tầng học tập được chia sẻ - các con đường và hướng đi tới Xã hội học tập. Để việc học trở nên dễ dàng truy cập, là nền tảng cho sự tiếp thu đáng khích lệ, và có nghĩa là cung cấp liên tục, chất lượng cao, việc kết nối chi phí

thấp (và không mất chi phí thời gian) tại nhà, tại nơi làm việc, khi di chuyển, và tại các khu vực công cộng. Chính phủ và cộng đồng quốc tế cần ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng chính và điều chỉnh một cách thông minh để tiếp cận với kết nối Internet bằng thông rộng, chi phí thấp. Các nhà cung cấp dịch vụ cần làm việc với các tổ chức giáo dục hiện tại và các nhóm cộng đồng để phát triển các mô hình cung cấp mới giúp đảm bảo việc truy cập cho tất cả mọi người.

4. Tất cả các nhóm phải được chuẩn bị để đầu tư nhiều thời gian và tiền bạc hơn cho việc học. Các nhà sử dụng lao động và công đoàn nên khuyến khích đội ngũ nhân viên, các thành viên, và cộng đồng nắm lấy các cơ hội học tập nâng cao, cung cấp kinh phí và giải thưởng cho việc này. Các cá nhân phải được chuẩn bị để gánh chịu khoản chia sẻ của họ đối với gánh nặng học tập vì lợi ích cá nhân (cá nhân và chuyên nghiệp).

5. Việc học tập suốt đời đòi hỏi các mô hình tài trợ đa dạng để giúp việc đầu tư trong học tập trở nên dễ dàng hơn. Đầu tư vào học tập nên được ưu đãi thuế cho các cá nhân và người sử dụng lao động. Đối với những người thất nghiệp, các quỹ nên được tạo ra để khuyến khích học tập. Chính phủ nên sử dụng các quy định và thuế để khuyến khích các tổ chức tài chính phát triển các công cụ tài chính mới cho phép học viên có thể truy cập các cơ hội khi họ cần chúng nhất. Họ có thể làm được điều này bằng việc giảm chi phí, giảm thiểu rủi ro, và thanh toán thuận tiện.

6. Các tổ chức quốc tế và các nhà đầu tư xã hội cần hướng dẫn Chính phủ và các doanh nghiệp trong quá trình lâu dài nhằm phát triển hệ thống giấy chứng nhận hợp pháp, đạt tiêu chuẩn, có thể cung cấp triển vọng của các bằng cấp lưu động được công nhận trên toàn thế giới.

7. Giấy chứng nhận/bằng cấp làm nên việc đánh giá và đánh giá làm nên việc học qua việc kết nối các giá trị xã hội. Phần lớn các đánh giá hiện tại đo lường những điều sai trái một cách sai lầm. Chế độ đánh giá toàn cầu phải được cải cách để hỗ trợ Xã hội học tập, khen thưởng, phát triển kỹ năng cũng như nội dung kiến thức, và cơ cấu lại chính chúng xung quanh các giai đoạn, không phải độ tuổi.

8. Tiến bộ nhanh chóng và tránh sự trùng lặp đòi hỏi sự phát triển của một khuôn khổ tiêu chuẩn cho việc đánh giá tác động của công cuộc đổi mới tới việc học. Điều này phải được hỗ trợ bởi nguồn tài trợ đáng kể cho những đánh giá độc lập các đổi mới và cho việc lưu giữ và phổ biến kết quả.

9. Nếu không có sự hướng dẫn hàng ngày của giáo viên hoặc giảng viên, đây sẽ là nguy cơ cho người học trở nên lạc lối trong Xã hội học tập. Các mô hình hiện tại có thể không có khả năng chịu đựng trọng lượng các mối quan hệ suốt đời của các

học viên, vì vậy Xã hội học tập phải tạo ra các cách thức mới để quản lý các mối quan hệ hỗ trợ suốt đời với học viên. Các học viên nên có liên hệ với cố vấn độc lập, đáng tin cậy, những người có thể xuất hiện để tư vấn, hỗ trợ, khuyến khích, và cung cấp thông tin. Điều này phải được hỗ trợ bởi một không gian lưu trữ tư nhân, suốt đời, an toàn và độc lập để ghi chép thành tích, gần giống như một hồ sơ sức khỏe.

10. Xã hội học tập cần phải tài trợ cho sự đa dạng các nhà đổi mới – từ việc lan rộng các mô hình được biết đến tới việc thử nghiệm các dự án có rủi ro cao và có giải thưởng cao. Thừa nhận rằng đây là một khách hàng quan trọng cho các mô hình thành công có thể sẽ là các hệ thống trường học, Chính phủ cần nỗ lực đáng kể trong việc phát triển các trường học như “những người bảo trợ tốt” – chứng minh việc thâm thấu các ý tưởng mới, tính hiếu khách đối với các cá nhân sáng tạo và chi trả tín dụng khi đến hạn.